Năm thứ hai — Số 46
Tuần-lễ từ thứ tư 13 đến thứ ba 19 Mai 1942

tri tân

tạp chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Lại thêm một lưỡi dao giết báo chí ! T. T.
Tra nghĩa chữ nho (I) Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tố
Những ông nghè triều Lê (XX) Ứng-Hòe
Phê-bình « Hàn-mạc-tử » Kiều Thanh-Quế
Chiếm yết Đa-hòa chính từ cung kỷ (bài được giải nhất) Hoàng Mạnh-Huân
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXIV) Nguyễn Văn-Tố
Tường thuật cuộc diễn-thuyết của ông Lê Thành-Ý Phạm Mạnh-Phan
Một giờ với Tùng-Vân đạo-nhân Hoa-Bằng
Tống Viết-Phúc Nguyễn-Triện
Sau tám năm trở lại thăm Laokay (I) Nhật-Nham
Loại sách địa-chí cần phải có một địa-vị trong tủ sách quốc-văn Song-Cối
Đảo Madagascar (Thời đàm) Nhật-Nham
Thoát cung vua Mạc (XIX) Chu-Thiên

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
196 RUE DU COTON, 196
HANOI

GIÁ BÁO :
mỗi số 16 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1.80
Ngoại quốc và công sở gấp đôi giá

Lại thêm một lưỡi dao giết báo chí!

NẠN ĐẦU-CƠ GIẤY NHẬT-TRÌNH!

TƯỞNG chẳng cần phải nói, nhiều các bạn cũng đã thừa biết báo chí là món ăn tinh-thần cần dùng cho dân-chúng, hằng ngày chẳng kém gì cơm ăn, nước uống. Vì, sau khi có bánh ăn, việc cần nhất là phải lo đến giáo dục cho dân chúng. Mà báo, chí vẫn được công nhận là quyền thứ ba ở trong nước.

Lại tưởng chẳng cần phải lớn tiếng than phiền, các bạn cũng đã thấu rõ cái nguy-cơ của các báo, chí ngày nay: Dưới ảnh-hưởng của chiến-tranh, đường giao-thông trên mặt bể trở nên khó khăn, cách-trở, các xưởng máy dùng vào việc chế-tạo binh-khí và quân-nhu, nên sức sản-xuất giấy báo sụt xuống một độ rất thấp, gây nên cái nạn giấy khan, giấy đắt vượt ngoài trí ta tưởng-tượng.

Đây, một bản thông-kế nhỏ chứng rõ những lời chúng tôi nói đó:

Năm 1932:	0p20	một cân tây
» 1935:	0p21	» » »
» 1938:	0p75	» » »
» 1941:	0p95	» » »
» 1942:	1p35	» » »

Cứ đem mấy con số đã kê ra đó mà so-sánh, đủ biết giấy báo ngày nay tuy không phải là giấy «Lạc-dương» (1), và văn báo chí bây giờ tuy không phải là bài phú *Tam-đô* của Tả-Tư (2), mà giá giấy cũng thấy đắt lên vòn-vọt!

Trước cái hiểm-tượng giấy khan và đắt ấy, nhiều báo đã phải rút trang và thu hẹp phạm-vi, lắm bạn đồng nghiệp lại phải ngậm hận mà vùi sâu sự-nghiệp dưới ba thước đất!

Báo-Mới phải vắng tiếng trên đàn ngôn-luận? Vì vấn-đề giấy!

Tờ *Annam Nouveau* phải tạm biệt độc-giả? Cũng vì vấn-đề giấy!

Ấy còn chưa kể những bạn khác như *Hà-nội báo, Hà-nội tân văn*, v.v. đã lần-lượt « xanh cỏ » từ sau khi tiếng súng Âu-chiến đùng nổ được ít lâu!

Chúng tôi lại vừa được thư của một bạn ở Cần-thơ cho hay rằng: « Ở Nam-kỳ bây giờ *tuần báo chết gần hết vì khan giấy*. Hiện chỉ còn vài tờ.

Thỏ chết, cáo thương! Cái nạn giấy khan, giấy đắt ấy khác nào một vị Hung-Thần, cực tàn-ác, cực khốc liệt, đương nhe nanh, giơ vuốt, rình-rập toán quân báo chí suốt từ Bắc đến Nam, chực xô-đẩy đến bước cùng đồ mà lột lấy khí-giới!

Người ta chẳng những làm thinh trước tiếng kêu cứu của làng báo, mà, trái lại, hạng con buôn vô-lương lại nhẫn tâm làm việc bắt chẹt trong khi các báo gặp nạn khủng-hoảng giấy!

— Bán cho chúng tôi ít giấy?

— Được, nhưng phải một đồng ba, một cân tây!

— Sao đắt dữ thế?

— Thì cố-nhiên! Vì bây giờ rất hiếm có giấy nhập-cảng. Mà hiện chúng tôi cũng chỉ còn cố ít thôi!

Đó, kẻ đầu-cơ giấy đương lủng-lẳng treo lưỡi gươm « sinh sát» trên cổ các con nhà báo chúng ta.

Lợi-dụng cơ-hội hàng khan vật-giá đắt, bọn tích-trữ và đầu cơ làm ngay công việc «bẻ măng trong dịp gió bão!

Thì một số ít trong bọn đó hoặc vì bán thuốc lá quá cao hoặc vì găm hàng, đã bị tòa án Đại-hình đặc-biệt truy-tố!

Xem tiếp trang 2

T. T.

Trẻ con thuộc A B C rồi nên cho chúng học ở quyển

VẬN VĂN BÁCH TUYỂN

của ông Dương-Tụ-Quán

Sách biên tập rất tốt, hợp với trình độ trẻ, từ dễ đến khó, đã được hội đồng duyệt y cho dùng trong các trường công tư khắp Đông-Pháp

Mới in lại lần thứ 7 — Giá 0p50 — Cước 0,10

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 1 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

ÔNG LÊ VĂN-HÒE mới xuất-bản một quyển sách đề là *Tầm nguyên từ-điển (Dictionnaire étymologique et historique des mots et expressions sino annamites)* Trong bài tựa ông nói rằng : « Nếu quả như nhời nhà cổ-học Maspero, tiếng Nam mượn quả nửa phần ở chữ Hán, thì kê-cứu căn-nguyên những tiếng Việt-Hán và các điển-cố thường dùng trong văn-chương quốc-văn, được nhiều chừng nào càng hay chừng nấy » (trang 8, *Mấy lời nói đầu*).

Việc ông nói đây rất là đích-đáng, nên làm ; duy có lời nhà cổ-học thì không đúng. Lấy bộ *Việt-nam tự-điển* của Hội Khai-trí tiến-đức ra đếm từng chữ (những chữ cái, in lớn) thấy tất cả có 13 276 chữ : trong số ấy chỉ có 3 443 chữ Hán mà thôi. Vậy bảo rằng quả nửa phần tiếng ta ở chữ Hán mà ra thì thật là sai quá.

Ở cuối bài tựa, ông Lê văn - Hòe nói rằng ông « còn chờ những điều chỉ-giáo của các bậc cao-minh để bổ-túc cho cuốn từ-điển » của ông. Tôi không dám tự-nhận là một «bực cao-minh», song mỗi khi đọc sách của ông lại thấy một vài chỗ ngờ, tôi có lấy tự-vị chữ nho ra tra lại, nay chép và dịch ra đây, một là để giúp những bạn thanh - niên muốn học chữ nho hay sắp phải học chữ nho ở trường trung-học theo một cái chương-trình đầy-đủ hơn trước (chỉ tiếc nhà in không có chữ Hán để in vào đây cho rõ), hai là để làm một việc mà ông Lê văn-Hòe gọi là một « phận - sự chung của những người cầm bút biết lo tới tương-lai quốc-học và quốc-văn Việt-nam ».

I. — *Chữ A.*

Ở trang 11, dưới chữ *anh hài*, ông Lê văn-Hòe nói « thời đứa trẻ nhỏ lên một vài tuổi gọi là thời *hài đề*, nghĩa là lúc còn mếu khóc đòi ăn » Theo quyển *Từ - nguyên*, *hài đề* là trẻ con biết cười, ai cũng muốn ẵm (*hài đề* vị ấu-nhi tri hài-tiếu khả đề bão giả dã). Chữ *đề* ấy viết *thủ* bên chữ *thị*, nghĩa là nắm lấy, đưa lên, cũng cùng chữ *đề-huề* (mang dắt) : « Đề-huề lưng túi gió giăng » (*Kiều*). Không phải chữ *đề* viết *khẩu* bên chữ *đề* : chữ *đề* ấy mới nghĩa là kêu, khóc. Nhưng trẻ khóc thì dùng chữ *nhi đề*, không ai dùng chữ *hài đề*. Quyển *Từ-nguyên* dẫn nghĩa chữ *nhi đề* như thế này : « *Viện - thuần - đường bút ký* chép rằng : « Có tục sợ trẻ con khóc, thường viết vài mảnh giấy dán ở ngã tư (thông-cù), người đi qua mỗi người đọc một lượt, thì đứa trẻ nín ». (Ở nước Nam ta cũng có cái tục ấy, thường viết một bài tứ tuyệt bằng chữ đỏ vào giấy vàng). Nay nhân đọc bài phú *Dữ xiển cân-dụ* có câu « Nhi đề ư khách đường », trẻ con khóc ở nhà khách : cứ thế thì biết hai chữ *nhi đề* đã có từ đời nhà Tấn. *Nhi đề* còn nghĩa là tiếng giống tiếng trẻ con khóc. Sách *Sử-ký* chép ông Tử-Sản làm quan 26 năm ; khi mất, đinh - tráng kêu khóc, người già tiếng khóc như trẻ con (lão-nhân nhi-đề). »

Cũng ở trang 11, dưới chữ *anh hùng*, ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa « *đnh* là phần đẹp-đẽ nhất trong cây cỏ » : tôi tưởng nên chữa là phần tốt đẹp, vì quyển *Từ-nguyên* giảng là « tinh-tụy trong một vật gì », và cho nghĩa đẹp-đẽ (*mĩ*) xuống hàng thứ năm. Ông cắt nghĩa chữ « *hùng* là giống đẹp và khỏe nhất trong loài thú » : nên xóa chữ *đẹp*, vì *hùng* chỉ có nghĩa là khỏe, không có nghĩa là đẹp mấy lại, trong chữ *anh-hùng*, chữ

VŨ NGỌC PHAN — HUY CẬN — XUÂN DIỆU — TRỌNG LANG — PHIÊU LINH TÔ HOÀI — TRẦN THANH MẠI — VỊ HỒ — ĐỖ ĐỨC THU MẠNH PHÚ TƯ và nhiều nhà văn có tài khác trong một nhà xuất bản đứng đắn, đáng tin cậy.

"mới"

57 Phúc Kiến — Hànội

Tất cả tinh hoa của văn chương Việt-nam hiện-đại

THÁNG MAI

KINH CẦU TỰ

tập văn xuôi đầu tiên của HUY CẬN

Giá 0p.85

(có in thêm một loại sách đẹp bằng giấy gió và vergé giá 3p.50 một bản các bạn chơi sách, xin gửi tiền về trước).

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ

phỏng tác của VŨ NGỌC PHAN

Giá 1p.25

theo tập Le roman de Tristan et Iseult câu truyện tình hay nhất thế giới của các thời đại.

THÁNG JUIN

Làm tiền

phóng sự của TRỌNG LANG

Con nhà nghèo

tiểu thuyết của PHIÊU LINH

Nota — Vì số sách in ra chỉ có hạn, nên mỗi tỉnh chỉ để một đại lý độc quyền. Đại lý nào muốn có sách bán, xin kíp viết thư về thương lượng.

anh đã là đẹp rồi. Lắm khi chữ *anh* cũng không có nghĩa là đẹp nữa : quyển *Từ - nguyên* chua rằng : « trí hơn vạn người gọi là *anh* » (trí quá vạn nhân giả vị chi *anh*). Xem như thế thì cắt nghĩa *anh-hao anh-kiệt* là « đẹp và sức khỏe hơn người » và *anh tuấn* là « đẹp và giỏi » thì hơi nhầm ; quyển *Khang-hi tự-điển*, ở chỗ chữ *kiệt*, cắt nghĩa như thế này : « Trí quá vạn nhân giả vị chi *anh*, thiên nhân giả vị chi *tuấn*, bách nhân giả vị chi *hào*, thập nhân giả vị chi *kiệt*. »

Ở trang 12 chỗ chữ *ảnh-hưởng* in nhầm chữ *hưởng* : phải chữa trên chữ *hương*, dưới chữ *âm*, chứ không phải chữ *hướng*. Nếu viết chữ *hướng* ở dưới, thì *hưởng* nghĩa là đối nhau, hoặc là hưởng-thụ (diện dã đối dã ; hưởng giả hưởng thụ dã ; xem tự-vị Khang-hi).

Cũng ở trang 12, ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa chữ «*ao* là chỗ lõm xuống»: tôi tưởng nên theo tự-vị Khang-hi giảng ra như thế này: đọc là *ấp* hay đọc là *ao* cũng được, một nghĩa là thấp kém, một nghĩa nữa là chỗ sâu hoắm ; quyển *Đan-điền-lục* của Dương-Thận chép rằng : « Thổ oa viết ao (hoặc ấp), thổ cao viết đột, cổ tượng-hình tự », nghĩa là đất sâu hoắm gọi là ao, đất cao vọt gọi là đột, theo chữ tượng-hình đời xưa. Quyển *Từ-nguyên* chỉ chép có một nghĩa là thấp kém ; « phàm vật chi đê - hạ giả giai viết ao hoặc ấp » phần việc gì thất kém đều gọi là ao hoặc ấp. Cứ như thế thì tôi e rằng ông Lê văn-Hoè nói câu sau này khi vội quá : « Do nghĩa đó (là lõm), ta gọi chỗ đất trũng xuống có nước là ao: ao chính là một chữ Hán hoá thành tiếng Nam ». Đến ngay những tiếng vừa đồng âm vừa đồng-nghĩa còn chưa lấy gì làm chắc, huống-chi chữ nho lại có chữ *chiểu* là ao nước. Thiết-tưởng về khoa ngôn-ngữ học cần phải khảo-cứu cho kỹ-lưỡng xét xem thời Bắc-thuộc người Tàu đọc chữ *ao* ra thế nào (đã có sách của ông B Karlgren nói về sự nghiên-cứu ấy : *Etudes sur la phonologie chinoise*, v.v.), rồi tra xem các dân-tộc ở gần nước ta gọi ao là gì (trong quyển *Les origines de la langue annamite, Việt-thoại khởi-nguyên khảo*, tập thứ nhất, in lần thứ tư, trang 70, ông E. Souvignet có so-sánh chữ Mã-lai *danao* (là hồ, đầm, ao) với tiếng *đầm, ao* của ta, và có nói rằng tiếng *đầm* của ta do chữ *đàm* của Tàu mà ra, và tiếng *ao* của ta do chữ *áo* của Tàu mà ra; chữ *áo* này cũng đọc là *ức*). Nói tóm lại, muốn nghiên-cứu về sự biến-hóa của tiếng ta, phải thận trọng lắm mới được, kẻo lại nhầm-lẫn như tướng H Frey tác-giả quyển *L'annamite mère des langues* là quyển nói về « Tiếng An-nam là mẹ đẻ ra các tiếng khác » : thí - dụ chữ Pháp *petit* (là nhỏ) cho ngay là ở tiếng *bé-ti* mà ra, chữ *pain* là bánh mì) cho ngay ở tiếng *bánh* mà ra, v.v.

Ở trang 13, ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa chữ *ấp* như sau này : «Theo chế-độ cai-trị nhà Chu bên Tàu thời xưa, 8 nhà là một tỉnh, 4 tỉnh tức 32 nhà là một ấp, 4 ấp là một khấu 128 nhà, 4 khấu là một điện » Cắt nghĩa như thế thì hơi thiếu, vì tự-vị Khang-hi dẫn sách như sau này : *ấp* gọi chỗ người tụ-hội. Sách *Sử-ký* chép vua Thuấn đến ở một năm thành *tụ*, hai năm thành *ấp*. Sách *Chu-lễ* chép bốn tỉnh (tức bốn dặm vuông, viết như chữ *tỉnh* là diếng) gọi là ấp, bốn ấp là một khưu » (muốn kiêng tên đức Khổng thì đọc là *khâu*, không mấy người đọc là *khấu*).

Cũng ở trang 13, chỗ chữ *âu-ca*, phải chữa chữ *âu*, *ngôn* bên chữ *khu* ; ông Lê văn-Hòe in nhầm chữ *khu* bên chữ *khiếm* : chữ Âu ấy là tên châu Âu hay tên họ Âu Dương-Tu, không ai viết vào chữ *âu-ca*.

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tầm nguyên Từ-điển

của LÊ VĂN HÒE

Tựa của NGUYỄN VĂN NGỌC, TRẦN TRỌNG KIM

Giá 2p80

« . . . Ce n'a pas été de faire de son dictionnaire un trop grand éloge que de l'appeler un bon instrument de travail... A ceux qui n'erd'ent les progrès réalisés dans la lexicographie annamite depuis le jour où Paulus Của publiait son dictionnaire Đại-Nam Quốc-âm tự-vị, on pourrait hardiment opposer le nouvel ouvrage de M. Lê văn Hòe

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ
Annam Nouveau du 22-3-42

Thư và ngân phiếu đề

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 20 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

HAI ông coi việc thi khoa quí-mùi năm Quang-thuận thứ tư (1463) là ông Lê-Lỗi (*Tri-tân*, số 44, trang 17, in nhầm là Lê Lài) và ông Lê-Niệm.

Ông Lê-Niệm làm đề-điệu, người thôn Dựng-tú (Lương-giang) Ông là cháu ông Lê-Lai. Cha là Lâm theo vua Lê Thái-Tổ (1418-1433) dẹp giặc Ngô có công, sau đi đánh Ai-lao, làm tiên-phong, bị tên bắn chết, được truy-tặng là thiếu-úy.

Quyển *Lịch-triều hiến-chương loại chí* của ông Phan-huy-Chú (quyển 9, tờ 22 b - 25 b) chép ông Lê-Niệm từ khi nhỏ đã thông-mẫn, khí-độ hơn người, văn-võ gồm đủ. Năm Thiệu-bình thứ năm (1438) do chân ấm-tử, bổ làm chánh-chưởng ở Cận-thị-cục. Năm Thái-hòa thứ tư (1446), thăng làm thiêm-tri nội-mật-viện sự, theo Lê-Thụ đi đánh Chiêm-thành, làm ký-lục : khi quân về, chuyển thăng chức đồng - tri. Năm thứ bảy (1449) làm Tây-đạo an-phủ-phó-sứ, rồi thiên làm An-bang-trấn tuyên-úy đại-sứ

Khi Lạng-sơn vương là Lê Nghi-Dân khởi nghịch, giết vua Lê Nhân-Tôn (1442-1459), Lê-Niệm làm xa-kỵ-vệ đồng tổng-tri chư-quân sự, cùng với đại-thần là Nguyễn-Xí, Đinh-Liệt, v. v., hợp mưu đem cấm-binh dẹp nội-nạn, giết nghịch-đảng là Phạm-Đồn, Phan-Ban, bỏ Nghi-Dân, đón Thánh-Tôn lên ngôi.

Năm Quang-thuận thứ nhất (1460) Thánh-Tôn (1460 - 1497) luận công phong cho Lê-Niệm làm Suy-trung bảo-chính công-thần, Tân-an trấn-quân thượng-tướng-quân, xùng-tiến nhập nội-tư-mã, được tham-dự triều-chính, coi các quân điện-tiền, cho dùng túi kim-ngư, ấn bạc, phong tước Đình-thượng hầu, và cho quốc-tính. Rồi cho làm Thái-bảo, phong Kỳ-sơn hầu. Tháng mười luận công, gia-thăng Kỳ quận-công, cấp ruộng thế-nghiệp hai trăm mẫu.

Năm Quang - thuận thứ ba (1462) Lê-Niệm làm nhập-nội đô-đốc đồng bình-chương-sự, tri đông - đạo chư-vệ quân, kiêm Quốc-tử tế-tửu. Năm thứ tư (1463) xung làm đề-điệu-quan thi hội. Năm thứ tám (1467) vua Thánh-Tôn đi chơi Tây-kinh, cho làm Đông-kinh lưu-thủ, rồi thăng cho làm Bình - chương quân-quốc trọng-sự. Năm thứ chín (1468) theo vua đi Tây-kinh.

Năm Hồng-đức thứ nhất (1470) đi đánh Chiêm - thành, xung chức Chinh-lỗ phó-tướng-quân, cùng với Đinh-Liệt đốc quân thủy tiến trước, đánh được thành Đồ-bàn, bắt được vua Chiêm-thành là Trà-Toàn, (Bàn-La Trà - Toàn, xem quyển *Le Royaume de Champa* của ông G. Maspero, trang 235-239).

Lúc đem quân về luận công, vua Thánh-Tôn cho Lê-Niệm ăn lộc ba trăm hộ. Lại sai làm Bình-khương tướng-quân, lĩnh quan-quân bản-bộ và ba vạn quân Thanh, Nghệ, Thuận - hóa, đi Quảng-nam dẹp giặc, bắt Trà-Toại là người Chiêm-thành đưa về kinh-sư.

Năm Hồng-đức thứ mười (1479) vua Thánh-tôn sai Lê-Niệm làm Bình-nhung tướng - quân, đem quân đánh Bồn - man tan-vỡ : chúa xứ ấy là Cầm-công chạy, bị chết. Lê-Niệm lấy đất đến sông Trường-xa giáp giới nước Diến-điện, rồi đem quân về Năm thứ mười-ba (1482) gia phong là Suy-trung bảo - chính minh - nghĩa đồng-đức thuần - tín công-thần, khai-phủ thái - phó Tĩnh quốc-công.

Lê-Niệm mất tháng ba năm Hồng-đức thứ mười sáu (1485), truy-tặng là Thái-[illegible], tên thụy là Trinh-Ý.

Quyển *Lịch-triều hiến-chương* kết luận như sau này : « Lê-Niệm là bậc thế-thần cựu-đức, làm phụ-tướng bàn việc nước gần ba-mươi năm, thường đem quân đi đánh dẹp, có công to, uy-vọng rực-rỡ : triều-đình quí-trọng là người hiền một đời, danh-phúc hoàn-toàn, có học-vấn, hay thơ : vua Thánh-Tôn mỗi khi đề-vịnh, thường sai họa. Nhà ở đề là Thuyền-hiên, có tri hâm-mộ Đào-Chu (Phạm - Lãi). Tuy ở chỗ lang-miếu, mà phong-tri thanh-đạm, phiêu-nhiên ngoài trần, người ta đều phục là bậc cao-thượng. Xét đời Quang-thuận (1460-1469) đời Hồng-đức (1470-1497), những bậc tướng - thần thế-phiệt cầm quân, tuy chẳng phải là một hai người, song văn-võ kiêm-ưu, huân-danh hoàn-mĩ, không ai bằng Lê-Niệm. Chẳng những là công - nghiệp hiển-đạt, mà phong-vận thanh-cao, từ-chương bác-nhã, rõ-ràng là bậc lương-thần một đời. »

còn nữa

Ứng hoè NGUYỄN VAN TỐ

Thông-chế PÉTAIN đã nói:

« Nền quốc-gia giáo-dục mới sẽ mở cửa vào đường đời.

Chung ta chẳng muốn có một đảng thanh-niên độc-nhất, mà muốn có một hạng thanh-niên hợp-nhất ».

Phê-bình

«HÀN-MẠC-TỬ»

(của Trần Thanh-Mại)

KIỀU THANH-QUẾ viết

. . . Con người ấy nhỏ-thó, ốm-yếu có đôi mắt rất to và rất sắc. Thế mà con người ấy có một sức mạnh tinh-thần ghê-gớm, đã dẫn được 300 000 đồng bào Ấn độ đi theo mình

vân. . vân...

Chúng tôi còn nhớ quyển sách của văn hào Romain Rolland biên-tập về thánh Gandhi bắt đầu đại khái như thế.

R Rolland bắt đầu trình-bày cho độc-giả thánh Gandhi như một ảnh phóng-đại (gros plan) trên màn bạc ; rồi lần-lượt mới phân tách từng li từng tí những chi-tiết quan-hệ đến đời tư, đời chánh-trị và tư-tưởng Grandhi.

Đó là một phương pháp viết danh-nhân truyện-ký (biographie) rất mới ; trái với lối cổ điển, đi theo lối nghiên-cứu về truyền thống (hérédité), bắt đầu từ ông cha rồi mới đến đứa con là người bộ sách mang lên.

Lối sau này, lối cổ-điển, là lối Trần Thanh-Mại dùng viết bộ *Hàn mạc tử*. Thế mà trong bài tựa, Trần-quân hạ một câu làm dự g tóc gáy những người nhũn-nhăn : « Với những phương-pháp mới, xưa nay chưa từng có trong lịch-sử văn-học Việt-nam, tôi đã phân tích ra từng cử-chỉ, từng tính-tình của nhà thi-sĩ (chỉ Hàn mạc tử), từng g'ai-thoại trong đời n ười »

Phương pháp mơi ! Xưa nay chưa từng có trong lịch-sử văn-học V ệt nam !

Chúng tôi chẳng muốn cố tâm tìm xem hai câu ấy có đúng không ? Và có quả trước Trần-quân chưa nhà văn Việt-nam nào áp-dụng lối viết truyện-ký cổ-điển ấy của Âu-châu không ?

Nhưng thiết tưởng dẫu cũ của người mà mới của ta, đó vẫn chẳng phải một điều đáng cho ta tự hào đâu !

Nếu Trần-quân hiểu được điều đó, bộ *Hàn mạc tử* mang đến cho người độc-giả trí-thức biết bao nhiêu là thiện cảm ! . . .

Từ *Trông giòng sông Vị* đến *Hàn mạc tử*, Trần Thanh-Mại tiến rất nhiều ! . . .

Lối phê-bình thân-thế và sự-nghiệp văn-chương của thi-sĩ trong *Trông giòng sông Vị* hãy còn « giản-dị » hơn trong *Hàn-mạc-tử* nhiều lắm.

Trong *Hàn-mạc-tử*, Trần Thanh-Mại thường viết được nhiều đoạn đối chiếu (rapprochement) rất đuơg. Kể thử một đoạn :

Bài « *Hồn lìa khỏi xác* » trong tập thơ *Đau-thương*, Hàn-mạc-tử làm cho nhiều người lấy làm lạ !

. . . . . .

Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn
Và muôn ngàn thần phách ngã lao đao.
Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh
Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu ?
Và vướng phải vô vòn tinh khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu,
Rồi sảng sốt bay tìm muôn tả khí
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ,
Hồn cảm thấy bùi ngùi như rớm lệ !
Thôi, hồn ơi ! phiêu dạt đến bao giờ !

. . . . . .

Đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng,
Để cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương,
Nhưng khiến nỗi ! xác ta đành câm tiếng,
Hồn đi rồi khôn nhập xác thê lương !

Nhưng Trần Thanh-Mại quả-quyết bảo rằng : « Sự hồn bỏ xác mà đi chơi của Hàn-mạc-tử, âu cũng là một triệu chứng của bệnh chàng, không nói đích về bệnh hủi, vì một người như chàng có thể mắc phải nhiều bệnh trong một lúc ; hay quả thực là một trong những triệu chứng của bệnh hủi đích thị mà y học chưa từng khám phá ra cũng nên.

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Gửi bằng tem (có) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

« Lật lại tập văn trứ-danh của nhà văn-hào Pháp, Xavier de Maistre, ta sẽ thấy có đoạn tả một triệu chứng lạ kỳ của bệnh hủi. Đây là lời của người hủi trong truyện kể lại cái cảm giác ghê gớm hằng đêm của chàng :

« Đêm càng khuya, thì nỗi ái ngại của tôi càng tăng, và đến lúc đêm gần tàn, thì tâm hồn tôi rối loạn đến nỗi tôi không biết rồi sẽ ra sao nữa. Tư tưởng của tôi lộn xộn, tôi cảm thấy một cảm giác lạ lùng mà chỉ trong những giờ buồn thảm ấy tôi mới có. Có khi hình như có một mãnh lực nào không thể cưỡng nổi lôi kéo tôi xuống một vực sâu không đáy ; có khi tôi thấy nhiều chấm đen trước mắt, rồi trong khi tôi nhìn nó, nó giao lại với nhau, mau lẹ như chớp, nó lần đến nơi tôi và to dần ra ; không mấy chốc đã thành những quả núi đè bẹp tôi dưới sức nặng của chúng nó. Nhiều khi khác nữa, tôi thấy nhiều đám mây ở dưới đất trồi lên, vây quanh người tôi, như từng đợt sóng cứ phồng dần lên, họp lại thành đống và sắp sửa lôi cuốn tôi đi. Hễ tôi có muốn ngồi dậy để cho thoát những ý nghĩ ấy ; thì tôi thấy như là bị buộc lại bởi những giây vô hình nó lấy hết sức nghỉn của tôi. Có lẽ ngài tưởng đó là những giấc chiêm bao. Nhưng không ! Tôi tỉnh táo lắm kia. Tôi cứ thấy lại luôn luôn những vật ấy, và đó là một cảm tưởng rùng rợn nó chấp hết cả những nỗi đau khổ khác của tôi » (*Le lépreux de la Cité d'Aoste*).

« . . . Sự thấy hồn lìa khỏi xác mà đi chơi là chuyện hàng đêm của Hàn - mac - Tử cũng như chuyện những chấm đen hóa thành quả núi để đè mình là cái triệu chứng thường thường của người hủi ở thành A-ốc ».

◆

Đoạn đời phung cùi lở lói đau thương của tác giả Đau-thương, Trần Thanh-Mại trình-bày một cách thành thật và rõ-rệt. Ta thấy Trần-quân chịu khó vào Saigon tìm Mai-Đình nữ-sĩ — người bạn gái, người tình nhân của thi-sĩ — để hỏi thăm về thi-sĩ. Ta thấy Trần-quân để bước đến Qui-hòa — quê-hương dân cùi — để theo dấu Hàn-mạc-tử. Lối săn tài-liệu ấy kể cũng « cảm tử » chẳng kém lối Tam-Lang năm xưa dùng viết thiên phóng-sự *Tôi kéo xe* làm sôi-nổi làng văn một đạo !

Nhiệt-thành phơi ra ánh sáng tất cả chi-tiết về đoạn đời đau-thương của Hàn mạc tử, điều ấy cần cho một quyển sách biên-tập về Hàn-mạc-tử lắm. Nhưng vì bị lòng xót thương Hàn-mạc-tử ảnh - hưởng quá mạnh, Trần Thanh-Mại đôi khi để lộ một sự tán tụng thơ Hàn mạc tử quá đáng, khiến những độc giả thận trọng đỡ khỏi đâm ngờ vực thi tài của Hàn-mạc-tử !

Thi-tài của một nhà thơ cần phải đem phân tách, rồi để độc giả nhân đó nhận thức, đánh giá trình-độ cái hay của thi sĩ ấy. Nhà phê bình, nhà làm truyện ký khỏi cần phải lôi thôi thêu dệt bằng lắm lời hoa mỹ như ông Trần Thanh-Mại đối với thơ ca Hàn mạc tử ; « Những bài nho nhỏ như bài *Dalat trăng mờ, Huyền ảo, Mùa xuân chín, Đây thôn Vỹ giạ, Siêu thoát* v v... đã đủ tiêu-biểu thiên tài bao quát của Hàn mạc tử va có thể kể trong những bài hay nhất của nền thơ Việt-Nam, của nền thơ hoàn cầu » (trang 90).

◆

Trừ những lỗi đã kể trong văn học quốc ngữ cận đại, quyển *Hàn-mạc-tử* của Trần Thanh-Mại vẫn đáng đặt cạnh những quyển hưu danh biên-tạp về thân thế, sự nghiệp văn chương của bao thi sĩ nước nhà khác ; ví như : *Nỗi lòng Đồ Chiểu* của Phan Văn Hùm, *Hồ Xuân Hương* của Nguyễn Văn-Hanh, *Nguyễn Công Trứ* của Lê Thước, *Cao Bá Quát* của Trúc-Khê, *Thi-sĩ Tản-Đà* của Lê-Thanh v... v...

KIỀU-THANH QUÊ

Đón coi

Tri-Tân số 50 sẽ là một số chuyên san về triều Gia-Long, từ ngoại giao, chính-trị, quân-sự đến văn-học v. v. dưới triều ấy sẽ được diễn-tả một cách chu-đáo kỹ-càng bởi những ngòi bút mà các bạn đã từng quen biết.

Đính-chính

Xin đính chính những chỗ in sai trong mấy số báo trước :

T. T. số 34, trang 9, cột 3, giòng 18 và 43 : « Kê-châu » sửa là « Cầu châu », giòng 45 : « bông hoa vờn nước », sửa là « hoa cầu ờn nước » ;

T. T. số 41, trang 16, cột 3 : « Binh thể chí » sửa là « Binh chế chí » ;

T. T. số 42, tr. 16, c. 3 : « lau chùa gió » sửa là « lau-chùi gió ».

T. T. số 43, tr. 17, c. 1 ; « yên anh » sửa là « yên lành » ;

T. T. số 44, tr. 19, c. 2, gi. 5, thừa một chữ « tiều » ; gi. 13 : « chơi nói » sửa là « cười nói » ; c. 3, bài « Buổi tối » : « Nhẹ-nhàng » sửa là « Nhè-nhẹ ».

Dưới quyền bảo hộ của Đại-Pháp, các dân-tộc của Liên-bang Đông-dương hiểu nhau, hợp-tác, và di-cư đó đây trong vòng hòa bình, thay vào sự tiến về Nam, về Tây của thời xưa.

Bài trúng giải nhất cuộc thi văn tại đền Đa-hòa

Tại đền Đa-hoà. phủ Khoái, tỉnh Hưng-yên, hôm rằm tháng ba ta, đã hội bình và phát thưởng những bài được giải trong cuộc thi văn.

Ông Hoàng mạnh-Huân được 19 điểm trúng giải nhất ; ông Từ Long được 17 điểm, trúng giải nhì ông Lê-Viên được 16 điểm, trúng giải ba; ông Lê thế-Du được 15 điểm, trúng giải tư; ông Hoàng sĩ-Dư được 13 điểm trúng giải năm; ông Trần lâm Kiều được 12 điểm trung giải sáu.

Dưới đây, Tri-Tân xin lục đăng bài trúng giải nhất để các bạn làng văn thưởng giám.

ĐẦU BÀI :

Chiêm yết đền Đa-hòa cung kỷ

Làm theo thể song thất lục bát, thơ quốc âm

Phần thứ nhất thuật hành-trình tự nơi mình ở đi tới đền.

Phần thứ hai tả phong-cảnh nơi xung quanh đền.

Phần thứ ba thuật thần-tích và những sự-trạng linh-ứng từ xưa đến giờ.

Phần thứ tư thuật cái cảm tưởng của mình khi chiêm-yết đền.

Tứ bất tử Trử-tiên là một.
Đền Đa-hoà thiêng nhất cổ kim.
Ước-ao về đấy cung chiêm:
Trước là lễ Thánh, sau tìm thú quê.
Đền mở hội gặp kỳ xuân-quí,
Tiết huyên-hỏa mọi vẻ mọi tươi.
Thuyền lan, chèo quế thềnh thơi,
Năm ba thi hữu, một hai thư đồng.
Từ Hà-nội thuận giòng xuôi lái
Qua Bát-tràng rồi tới Van-giang,
Phùng-công, Sàm-khố, Tàm-tang,
Bên kia Sàm-thị Chương-dương cũng gần.
Này Mễ-sở, bến Tuần thuở trước,
Thuế thuyền be xuôi ngược thu đây,
Mà là chợ Mễ ngày nay :
Dưới thuyền, trên bến ; buôn may, bán hời.
Kể nhân-vật là nơi văn hiến,
Dân tám làng lương thiện làm ăn,
Yên vui nhờ cậy sức thần:
Đình đa, tài vương, thói thuần, tục hay.
Đầm Giạ-trạch mây bay lảng lảng,
Bãi Tự-nhiên trăng sáng mập-mờ...
Hai ngàn năm trước đến giờ
Dấu thiêng chừng vẫn vật-vờ đâu đây !
Hỏi cổ lão chọ hay thần tích :
Xưa Hùng-vương ngự lịch nước ta.
Trử-gia-tân có một nhà
Cảnh nghèo, mẹ mất, cha già lênh-đênh.
Giốc lòng hiếu sự sinh, sự tử,
Tiếng kêu than nghe đã thấu trời...
Bỗng đâu chúa ngự thuyền chơi,
Cho hay tác-hợp cơ trời lạ thay !
Duyên hương-lửa kiếp này mới bén,
Mà thiên cung ước hẹn từ lâu,
Sánh duyên loan phượng hảo cầu,
Quỳnh-am kết bạn, núi Hầu cùng ta.
Đạo lực đủ phép mầu gậy, nón,
Hóa phép ra khắp chốn lâu đài.
Cơ hoang, dịch lệ đòi nơi
Nhà nhà thoát khổ, người người đội ơn.
Nhân một buổi thừa nhàn du ngoạn,
Gặp Tây-nương cũng bạn nhà tiên,
Cùng nhau cả nước vàng duyên
Hoàng, Anh chuyện cũ hợp truyền phong lưu
Hạn trần mãn, về chầu trên phủ,
Chợt ngày kia ngựa gió, xe mây,
Dắt nhau chắp cánh cùng bay
Gót tiên thoăn-thoắt về ngay đế-đình,
Cả nhà cửa đều thành huyền hóa,
Dấu tiên còn Nhất-giạ-trạch đây.
Linh-thanh lẫm-liệt xưa nay,
Cư dân phụng tự đền rày đã lâu.
Khấn là ứng, cầu là được,
Khắp phương dân đều được phước du
Tỉ dân ơn đức có thừa,
Còn công hộ quốc sử thư rõ-ràng :
Khi đô-hộ tướng Lương tàn ngược
Quân Triệu minh lực bạc, thế cô,
Lui quân Giạ-trạch, từ đồ,
Móng rồng trợ thuận cũng nhờ oai-linh.
Khi nước bị người Minh xâm-chiếm
Trong núi Lam, lưỡi kiếm dương mài,
Chiêm bao thần bảo Ức-Trai
Vua Lê, tôi Nguyễn, một lời phân-minh.
Chuyện linh ứng rành-rành để lại
Sắc thượng thần lịch đại gia phong.
Nghe lời cổ lão thuật xong.
Mơ-màng nước Nhược, non Bồng chi đây...
Ngẫm đức « hiếu » xưa nay thật quí
« Hiếu » là thần, « hiếu » lại là tiên,
Hiếu-tâm cảm đến Hoàng-thiên
Ngu-quan sánh với Trử-tiên khác gì :
Cũng nhị nữ vu qui hỏa-mạc
Cũng đắc danh, đắc lộc vẹn-tuyền
Thanh nhàn muôn kiếp cung tiên,
Hương hoa sủng bái đình đền khắp nơi.
Đạo chồng vợ một đời sất phối
Cốt tài đương, đức đối, hai bên
Kể chi giàu, khó sang, hèn,
Giai-nhân, hiếu tử đẹp duyên nào bằng !
Coi phú quí dửng-dưng dép nát,
Chí thanh cao siêu thoát cõi trần,
Mặc ai điện Sở, lầu Tần
Cái vui vui ở tinh-thần mới vui.
Kìa những kẻ miệt-mài danh lợi
Suốt ngày đêm bối-rối lo âu.
Vinh hoa sang sướng gì đâu,
Sao bằng lạc đạo, vô cầu, thích hơn ?
Gặp những buổi tai nạn giặc-giã
Đem lòng nhân giúp đỡ cưu-mang
Danh không tưởng, lợi không màng,
Khoái tâm được thấy quốc cường, dân an
Vui riêng thú mây ngàn, hạc nội,
Ngó trần-gian nhiều nỗi thảm thương
Mịt-mù binh-hỏa bốn phương,
Xót thay bể máu, núi xương khắp miền !
Mắt bồ-tát hẳn nhìn không nỡ,
Giữ yên cho cảnh-thổ trời Nam
Một vùng biển lặng, sóng êm,
Âu-ca thánh đức, năm năm hội đền...

HOÀNG-MẠNH-HUÂN
(Hà-nội)

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 24 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XCVI

Một bài phú giáng bút (1)

Giời đất cao dày, con tạo vần xoay. Ơn vua nhờ thánh, sinh được hội này. Ai đều được nức lòng nức dạ, ai chẳng mong mở mặt mở mày. Hậu giả hậu lai, ở hiền lại gặp lành, mới biết tre già măng mọc, ác giả ác báo, ăn mặn thì khát nước, khác nào cây yếu gió lay. Trách những người thịt bắp vai u, đường lui tới, nhẽ thiệt hơn, ở chẳng trông sau trông trước. Nào những kẻ mặt to tai lớn, chí tang bồng duyên hồ-thỉ, đi cho biết đó biết đây. Đương cơn bình-địa ba-đào, có chí làm quan, có gan làm giàu, sao chẳng khoe khôn cậy khéo? Gặp lúc cơn đen vận túng, có mồm thì đắp, có nắp thì đạy, cũng nên giả dại làm ngây. Của Bụt mất một đền mười, xin chớ ăn chay nói dối: nam-vô một bồ lấy bốn, thả rằng ăn mặn nói ngay! Ngẫn cánh với chẳng đến giời, trí thiền tài ngu, vòng danh lợi tranh đua thêm ngán nỗi, ra tay gạo xay ra cám, văn hay vũ mạnh, buổi kinh-luân vùng-vẫy cũng ghê thay!

Bò của chú, chú phải lo, con vua vua dấu, con chúa chúa yêu: tình ân-ái chẳng nhầm chẳng lỗi. Đèn nhà ai, nhà ấy rạng; của anh anh mang, của nàng nàng xách, nợ phong lưu nói gả nói vay. Chị em ơi! lấy chồng cho đáng tấm chồng, cho bõ lúc nghiền phấn-sáp, lúc ướp hương-hoa, hai chữ cương-thường sao cho xứng đáng. Quân tệ nhỉ: lấy vợ chỉ biết mặt vợ, chẳng nhớ ai bế anh-nhi, ai bồng xích-tử, ba năm trứng nước bao quản đắng cay! Có cha có mẹ như đàn có giây, đạo mẹ đức cha, bể rộng giời cao phải quí; thuận vợ thuận chồng, bể đông cũng cạn, đạo chồng nghĩa vợ, nguồn ân bể ái khôn tày. Chị ngã đã có em nâng, máu chảy ruột đau, lá rách lá lành đùm bọc; chả sinh không tày mẹ dưỡng, áo dày cơm nặng, công nuôi công dạy đêm ngày. Một cây chẳng nên rừng, đông có mây, tây có sao, đông đúc anh em mới quí; mười voi không bát sảo, kẻ nói thánh, người nói tướng, chớ nghe miệng thế thêm rầy. Lúc vui vầy chén chú chén anh, rước voi về rầy mồ, ai chết mặc ai, ra sức nay bàn mai cuộc; kh cấp nạn chân le chân vịt, huýt chó vào bụi rậm, chú chết mặc chú, tìm đường cao chạy xa bay! Người Hà-nội, khách Sơn-tây, những tiếng thị-phi, cũng lắm kẻ khôn người dại: gái giang-hồ, giai tứ-chiếng, mặc ai ngang dọc, tha hồ kẻ bắc người tây.

Trẻ chẳng tha, già chẳng thương, ở chẳng phòng xa, vuốt mặt không nể mũi; cha cũng kính, mẹ cũng vái, đi đâu mà thiệt, sầy vai xuống cánh tay. Mưa bao giờ mát bấy giờ, kìa những lúc rét cắt ruột, lúc đói nhăn răng, vận đến nhớ đâu khi rách-rưới: gió chiều nào che chiều ấy, hãy cho nó qua thời đói, nó khỏi thời nàn, thế nào cũng được bữa no say. Báng đầu thằng trọc, không nể đầu ông sư; cứng cổ cứng đầu, ai xá những phường ngu-dại; vắng mặt thằng Ngô, lúc có mặt ông sứ, sấp mày sấp mặt, vẫn nghe nhời nói xưa nay. Gặp bên Ngô, cô bên chồng, liệu gió phất cờ, đường cư-xử sao cho trọn-vẹn; cháu bà nội, tội bà ngoại, vị cây dây quấn, nhẽ phải chăng nào dám đổi thay. Giàu đâu ba họ, khó đâu ba đời; đói cho sạch, rách cho thơm cứ giữ công-bằng cho phải đạo; sống người một nết, chết người một tật: mẹ sinh con, giời sinh tính, há rằng số phận có ưa may? Thiếu gì kẻ dở người hay, ai là người dạy bảo, ai đem đạo mở mang, có nhẽ cha chung ai khác? Nhẫn-nhủ giai lành gái tốt, phải nên để vào lòng, phải nên chôn vào dạ chớ hề mẹ hát khen hay.

(Theo quyển *Việt-túy tham-khảo* của Đằng-châu cư-sĩ Nguyễn-Thiệu tập-biên, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 386, tờ 19a - 21a)

XCVII

Động Các-cớ

(của Trịnh-Căn, 1682-1709) (2)

Bài dẫn. — (bằng chữ Hán, dịch ra quốc-ngữ) — Rộng xem sườn núi mấp-mô, giời nhân sáng sủa, bao quát rất nhiều gió tốt. Ta từng cầm quyền lan-nhị, trang-sức dùng xạ-châu, đã khắp nơi tản-dương để-vịnh, sai khắc ở lưng núi này. Vừa gặp buổi giời gây mở thịnh, nhân tiết xuân lại lên xem cảnh tốt, lòng vui thẳng bước, hết thảy xem chơi, chỉ thấy khe núi quanh-co, rõ-ràng đường tắt bằng-phẳng, thỉnh-thoảng đi êm màu xanh biếc, y nhiên có vẻ huyền-chân, thực là trong cảnh sáng tỏ càng thêm thần-kỳ, lòng mến cảnh chưa thôi, vận thơ đã nảy, bèn sai khắc vào đá này.

Lạ thay hồng - tạo khéo đào-thành,
Danh ấy đong đeo xứng sở danh.
Ngọc trủu hương nhuần, mùi bát-ngát,
Quân-giai nguyệt tỏ, bóng đành-rành.
Xanh thu A-thụ khoe xuân đượm,

(xem tiếp trang 19)

Một giờ với

TÙNG-VÂN ĐẠO-NHÂN

HOA-BẰNG

NGUYỄN ĐÔN-PHỤC tiên-sinh, tự Hi Ân, hiệu Tung-vân đạo-nhân, người làng Ỷ-la, tổng La-nội, huyện Từ-liêm, phủ Hoài đức, tỉnh Hà-đông sinh ngày tháng tám, năm mậu-dần, niên hiệu Tự-Đức thứ ba mươi mốt (1878).

Sau khi đỗ tú-tài, (khoa bính-ngọ, 1906), tiên-sinh làm nghề dạy học chữ nho và có kèm thêm quốc-ngữ.

Qua năm 1917, tiên-sinh góp vào « Nam-Phong » một cây bút biên-tập rất đắc-lực.

Sau không may mắc mục tật, tiên-sinh phải lần chuỗi ngày ảm-đạm với bao nỗi vô-liêu!

Từ năm ngoái, tinh thần trở lại mạnh-mẽ, tiên-sinh can-đảm, hăng-hái, lại đem chút tàn-lực mà cống-hiến cho văn-học-giới nước nhà.

Hiện nay tiên-sinh đang giúp « trang văn chương » báo « Đông-Pháp ». Năm nay tiên-sinh đã 65 tuổi.

Hôm 4 Mai 1942, tôi làm việc phỏng-vấn tiên-sinh về một vài điểm thuộc văn-học.

∴

Vừa thoạt dắt chiếc xe đạp vào một ngôi nhà ở tỉnh Đơ, tôi được nghe ngay một vài tiếng tơ như của Sư-Khoáng (1) từ nghìn xưa vọng lại. Nhưng tiếng đàn ấy vội ngừng bặt vì chủ-nhân nghe thấy người nhà nói có khách đến.

Thấy tôi xưng tính danh, cụ Tùng-Vân nhoẻn cười rồi mặc thêm chiếc áo the thâm dài để tiếp khách.

Sau mấy câu vấn an và hàn huyên, tôi « vào bài » ngay nhưng chưa dám để cụ vội biết là « bị » phỏng-vấn.

— Thưa cụ, trong khi giúp Nam-Phong, cụ giữ những mục gì?

Ngưng thần một chút, dường để bới nhặt trong kho ký-ức, cụ Tùng-Vân cất giọng nhẹ-nhàng:

— Khác với cụ Đông-Châu làm việc dịch-thuật, tôi chuyên về mặt văn-chương, viết những mục như *du-ký, hài-văn* và *dịch thơ Đường* đăng vào « Văn-uyển ».

— Cụ giúp Nam-Phong được bao năm?

— 12 năm. Sau khi đỗ tú-tài độ hơn 10 năm, thì tôi làm báo Nam-Phong. Bài vở Nam Phong kể cũng nặng lắm: có bài tôi phải viết đến 40 trang. Nhưng tôi thường ở ngoài viết bài, chứ ngồi luôn bên bàn giấy thì chịu sao được!

— Trong khi viết Nam Phong, cụ có những bài nào đắc-ý? Chẳng hạn như bài « *Ông đồ Ba Vẫy* », phải không?

— Vâng, ngoài bài hài-văn ấy ra, tôi còn có mấy bài này gọi là tàm tạm đắc ý: Văn nghị-luận thì « *Bàn về triết-lý trời, đất, người* », « *Vấn-đề ấu-trĩ-viên* », « *Vấn-đề quốc-văn* »; văn du-ký thì « *Cuộc chơi năm tầng núi* », « *Cổ-loa thành du-ký* », « *Sài sơn du ký* », « *Tử-trầm-sơn du ký* », « *Cuộc chơi miền đông bắc Hải-dương* », « *Bốn ngày chơi miền Bắc ninh* »; tạp văn thì « *Bài hát kỷ-niệm cụ Nguyễn-Du* », « *Cuộc thưởng kinh-nghĩa nôm* »...

— Việc cổ-động ấu-trĩ viên ấy rồi sau kết-quả thế nào?

— Bài *Vấn đề ấu trĩ viên* ấy là tôi giúp Hội Khai trí Tiến đức mà viết vào Nam-Phong. Vì bấy giờ ông Marty đứng cổ-động về việc ấy. Tôi lại có đặt cả *bài ca ấu-trĩ viên* dài những mười tờ nữa. Bấy giờ những làng lớn ở Hà-đông, như Thụy-khê, Thượng-cát, Phương-trung, đều có lập được ấu-trĩ-viên cả.

— Ngoài bộ *Luận-ngữ*, và bộ *Mạnh-tử* mà cụ dịch chung với cụ Đông-Châu ấy, cụ có còn làm thêm được sách gì không?

— Không, tôi chỉ làm chung được hai bộ sách ấy.

— Trong khi dịch chung như thế, phần việc cụ những gì? và phần việc cụ Đông-Châu ra sao?

— Đã gọi là làm chung, thôi cứ là « đồng » cả.

Đến đây, cụ Tùng-Vân, với giọng thành-thực, tỏ ý cám ơn Tri-Tân chúng tôi đã nhắc đến cụ trong bài nói về « Nhà văn Đông-Châu mới tạ thế » (2).

Rồi cụ đứng lên, rờ lấy bình chè trên bàn kê bên giường, rồi chính tay cụ tra chè vào ấm để người nhà pha nước thết khách, khiến tôi vô cùng cảm động trước những cử-chỉ ấy, tôi liền xoay sang

câu chuyện hỏi thăm :

— *Thế cụ mắc phải mục-tật từ bao giờ ?*

— Trước khi ông Phạm Thượng-Chi vào kinh một năm ! Đến nay đã 11 năm rồi đấy !

— Thế bây giờ, khi viết văn, những chỗ phải tra-cứu tài-liệu, tất phải có người giúp cụ về việc đọc những đoạn sách chữ nho ấy chứ ?

— Tôi cũng nhớ nhiều, ít khi phải tra sach. Cốt ở mình có nhớ thì mới làm được. Còn khi viết văn thì tôi đọc cho các cháu nó chép hộ.

— Có phải cụ có ý bất mãn đối với thơ mới, nên mới xướng ra lối « Nam-đàn bát châu » như cụ đã viết ở « Đông Pháp » đó không ?

— Không, tôi không có ý bất mãn gì với thơ mới. Vì nhân tài như bách hoa, càng nhiều lối càng rộng, càng hay. Còn « Nam đàn bát châu » của tôi ? *Pháp-độ thì theo Đường-luật, cách-điệu thì theo Nam-âm* : cái cốt yếu là ở đó.

— Cụ nghe thơ nôm bây giờ với hồi còn Nam-Phong, tiến hay lùi ?

Rít hết hơi thuốc lào, nhẹ đưa làn khói tỏa mờ lên dưới mái không trần, cụ Tùng-Vân dè dặt:

— Nửa tiến, nửa lùi...

— Xin cụ cho biết thế nào là nửa tiến, nửa lùi ?

— Khó nói lắm ! Vì bây giờ là thời-kỳ còn đương nảy-nở, tài nào chẳng có khuyết-điểm ?

Rồi như sực nghĩ ra, cụ Tùng-Vân liền thêm :

— Cái cớ tiến hay lùi ấy là tùy theo sự phạp hay không phạp tài-liệu như tôi đã nói ở một đoạn trong bài « Dự thảo lối thơ Nam đàn bát châu » (3) đó.

Rồi cụ Tùng-Vân nhắc lại những ý đã viết trong đoạn văn ấy :

— Có bốn kho tài-liệu : một là kho sách cổ-điển ; hai là kho xã-hội sinh-hoạt ; ba là kho cảnh-trí vũ-trụ ; bốn là kho quốc-âm chứa phong-dao, hát nói cổ, thơ cổ, văn-chương truyện Kiều... Sẵn có những kho vo-tận ấy, nếu thi-gia biết tiêu dùng thì ngòi but sẽ trở nên phong-phú. Nói tóm, thi-gia đối với bốn kho tài-liệu ấy, hễ cầu lấy thì được mà quốc-âm tiến ; hễ bỏ đi thì mất mà quốc-âm thoái. Tôi nói nửa tiến nửa lùi là thế đó.

— Thế, còn văn xuôi bây giờ so với khoảng 20 năm trước đây thì sao ?

— Cũng như văn vần, bây giờ còn đang ở thời-kỳ nảy-nở, chưa thể định luận ngay được. Thôi thì phẩm-bình tự tại nhân-gian.

Khi cụ Tùng-Vân nói đến đấy, tôi thấy mình làm nhọc cụ đã quá nhiều rồi, không dám để cụ phải tiếp lâu hơn nữa. Nhưng không quên hỏi thêm :

— Hết bài « Nam-đàn bát châu », cụ định viết đến vấn-đề gì nữa ?

— Từ khi thấy tinh-thần được mạnh, tôi lại muốn làm việc trên thi-đàn để gọi là báo ơn xã-hội đôi-chút. Trước bài « Nam-đàn bát châu », tôi đã có viết bài thơ để đền đức Trần Hưng-Đạo. Bây giờ bài « Nam đàn bát châu » *mới đăng được sáu kỳ*, đó mới chỉ là những lời nói đầu, bày tỏ cái đại ý. Sau này tôi còn ra tiếp đến thơ soạn và thơ dịch nữa.

Trước khi cám ơn và từ-biệt Tùng-Vân đạo-nhân, tôi xin cụ cho phép thuật lại câu chuyện phỏng-vấn này lên tờ Tri-Tân và thành-thực chúc cụ nên vì văn-học-giới mà bảo-trọng, lại kỳ-vọng ở cụ còn nhiều thiên giai-tác khác.

Dưới ánh nắng cuối xuân, tôi phóng xe đạp quay về, đem theo một hình-ảnh rất cảm-động không bao giờ xóa được : Trước mắt tôi vừa nãy dường như thi-nhân John Milton đã tái-sinh ở đất Việt nam.

HOA-BẰNG

1) Một nhạc-sư nước Tấn ở đời Xuân-thu.

2) Tri-Tân số 24.

3) Đông Pháp số 5107 ra ngày 21 Avril 1942.

Kỳ sau :

Chim yến ở Ông hạng

của Bách-Thảo-Sương tiên-nữ

Mấy lời thành-thực

Các bạn đọc yêu quý đã thừa rõ cái nạn khan giấy và đắt, lại thêm bao nhiêu cái đều tăng một cách bất ngờ như công thợ, (trước 0$50 một ngày nay lên 1$00) tiền gửi báo (tăng lên 600 *l.*) làm cho nhà báo gặp lắm bước khó khăn hơn mấy tháng trước nhiều. Vậy dám mong các bạn *đọc-giả* và các nhà đại-lý sốt sắng về sự trả tiền cho. Đó là một cách các bạn giúp nhà báo rất nhiều vậy.

TRI-TÂN tạp chí

Cuộc diễn thuyết của giáo sư Lê thành-Ý ở trường Đại-học về

«MỘT CUỘC THÍ NGHIỆM LỚN: VĂN HÓA PHÁP-VIỆT»

PHẠM MẠNH-PHAN

HỒI 6 giờ chiều hôm 30 Avril 1942 ở giảng đài trường Đại-học Hanoi, ông Lê Thành-Ý, giáo-sư khoa Việt-ngữ ở trường Trung-học Albert Sarraut đã nói chuyện bằng tiếng Pháp về : « *Một cuộc thí nghiệm lớn ; văn hóa Pháp Việt* ».

Cuộc nói chuyện do nha Học-chính Đông-dương tổ chức, nên các thính giả phần nhiều là các quan chức Pháp Nam và các giáo sư. Tất cả Hanoi cao quý và lịch thiệp đều có hiện diện tại phòng giảng. Ngoài ra một số ít các công chức và thanh niên trí thức cũng tới dự.

Diễn giả, giáo-sư Lê - Thành - Ý, dáng người vạm vỡ gọn gàng trong bộ âu phục màu sẫm, từ trong buồng đi ra trước giảng đài và nghiêng mình chào quan khách.

Phòng giảng lộng lẫy nguy nga đượm vẻ trang nghiêm của Đại học đường bỗng im lặng. Rồi một chang pauo tay rầm rộ chào diễn-giả.

Cuộc nói chuyện bắt đầu, không kèn, không trống, không người giới thiệu, không dao đầu bằng những lời xã giao thường lệ.

.·.

Đại ý bài diễn văn

Thưa các ngài,

Năm 1922, ông Phạm Quỳnh diễn thuyết ở viện Hàn lâm khoa học bên Pháp có nói : « Từ 40 năm, sự tình cờ của lịch sử đã dắt nước Pháp đến đất nước này, với thời gian, với sự chung sống hằng ngày chúng tôi đã hiểu rõ người Pháp và dần dần nền văn hóa sán lạn của nước Pháp đã làm chúng tôi phải say sưa.

« Chúng tôi trước đã sống yên lặng trong vòng luân lý khắc nghiệt của đạo Khổng, không hề biết đến sự văn minh của thế giới, Nay bỗng bừng mắt bỡ ngỡ trước cuộc đời mới, chúng tôi thấy thiếu thốn đủ mọi đường. Chúng tôi ngoảnh mặt trông với Pháp quốc dìu dắt, nâng đỡ mà cho chúng tôi một nền giáo dục có thể đưa dân tộc Việt nam chúng tôi đến bước phú cường và nước chúng tôi thành một nước văn minh tiên tiến» (1)

Hai mươi năm qua, hai dân tộc Pháp Nam đã cùng dìu dắt nhau trên con đường tiến hóa và đã hiểu thấu nhau một cách rõ ràng. Những mối nghi ngờ xưa nay đã tiêu tán và trước cuộc tiến hóa của thế giới, người hai giống đang cùng nhau dắt tay đi tới.

Bóng cờ ba sắc phất phới trên đất Việt đã được sáu mươi năm. Chúng ta hãy nhìn lại những bước đường đã qua, hãy xét một cách vô tư cuộc phối hợp của hai nền văn hóa Đông Tây trên dải đất nước này.

Dân tộc Việt-nam từ khi lập quốc, trải trên bốn nghìn năm chỉ là một dân tộc cổ sơ lấy cầy cấy làm căn bản. Từ họ Hồng bang, ba nghìn năm trước Tây lịch kỷ nguyên với 18 đời Hùng vương tới nhà Triệu, hai trăm năm trước Tây lịch, nước Nam trước là Văn lang, sau là Nam việt.

Dưới quyền Triệu Đà, nước Nam bị chia ra làm hai bộ : bộ Giao chỉ (Bắc kỳ) và bộ Cửu chân (phía bắc Trung kỳ), Hết bốn đời vua Triệu, nước Nam Việt thuộc về nước Tàu và chia làm 9 quận.

Trên nghìn năm có lẻ, văn hóa Tàu đã thấm nhuần vào óc người Nam. Trong thời kỳ Bắc thuộc lần thứ 2, nước Nam nhờ có quan thái thú quận Giao chỉ là Sĩ Nhiếp (187-226) cai trị và mở mang sự học, nên mới được yên trị. Ông là người đầu tiên đem chữ hán cho phổ cập trong dân gian, nên lòng người mến phục mới gọi là « Sĩ vương » (roi lettré).

Đến thế kỷ thứ 10, dưới nhà Đinh (968 979), học thuật và văn hóa Tàu đã lan rộng trong đám người Nam. Những nhà sư thời đó phần nhiều là những người đã từng nổi danh trong làng văn tự và đã từng phen ngâm vịnh.

Dưới triều vua Lê Đại Hành (980) sứ Tàu là Lý-Giác qua chơi đất nước Nam. Nhà vua liền cho sư Thuận giả làm lái đò đợi sứ Tàu qua sông. Lý Giác vốn là một văn nhân, trông thấy đôi ngỗng đang bơi, liền đọc :

« *Nga nga lưỡng nga nga*
« *Ngưỡng diện hướng thiên nha* ».

Sư Thuận không nghĩ ngợi liền ứng khẩu đáp :

« *Bạch mao phô lục thủy,*
« *Hồng chạo bãi thanh ba* » (2)

Sứ Tàu phải ngạc nhiên và khen ngợi dân Việt Nam nhiều người tài giỏi.

Việc đối đáp và sứ thần phục đó tỏ rằng hàn học đã lan rộng trong nước Nam hồi đó.

Đến các triều Lý, Trần, Lê, hán học lại càng lan rộng hơn nữa.

Chính dưới triều Lý đã ban bố sự học trong dân gian một cách rộng rãi và đã từng mở khoa thi để kén chọn nhân tài ra giúp nước, Khóa thi thứ nhất mở vào năm Thái-ninh (1075) thứ tư dưới triều vua Lý Nhân Tôn. Năm sau (1076), nhà vua cho lập Quốc - tử - giám (Collège national) gồm có văn miếu, để thờ đức Khổng.

Nhà Trần thi đặt trong cung-điện trước ngai vàng khoa *điện-thí* để tuyển các vị trạng-nguyên, thám-hoa và bảng-nhãn.

Dưới triều Lê, khoa cử rất phồn thịnh và ngoài các kỳ *hội thí* ở kinh đô, nhà vua lại có các kỳ *hương thí* ở các tỉnh. Từ đó theo vết người xưa, các triều vua khác cứ theo mực đó mà kén chọn nhân tài.

Từ thời kỳ Bắc-thuộc qua thời kỳ tự-chủ, nước Việt-nam đã từng có những bực nhân tài xuất chúng trong làng hàn học như : Mạc Đĩnh-Chi, Trương Hán-Siêu, Phạm Sư-Mạnh, Nguyễn Phi-Khanh, Nguyễn Bỉnh-Khiêm, Ngô Thời-Sĩ, Đào Duy-Từ, Lê Quý-Đôn, vân vân...

Tất cả các sĩ-phu từ trước tới nay đều đắm say cái học khoa-cử đã làm chìm đắm dân Việt - nam trong cái nạn từ-chương. Cuộc lựa chọn các nhân tài chỉ căn-cứ vào « ngũ kinh » « tứ thư », chỉ thơ, chỉ phú, hết thảy đều phỏng theo người Tàu, đều nô-lệ theo tư-tưởng họ.

Hết thảy dân-gian đều mê-say cái mộng khoa-cử, nhẵng bỏ thực-tế, không chăm-chú gì đến khoa-học, chỉ cốt sao nhớ sách cho nhiều, lựa chữ, ghép vần cho khéo.

Đời ay qua đời khác, ai nấy đều chỉ cốt học để làm quan, chỉ mong nhờ lộc vua phần nước. Tư-tưởng thì hẹp hòi, tuy có học đạo Thánh Hiền mà tầm con mắt thì không nhìn được xa.

Trong dân gian thì hết thảy mọi người đều theo Nho giáo, lấy đó làm khuôn vàng thước ngọc. Trong gia-đình lấy tam tòng, tứ đức làm trọng. Ngoài xã hội, thì giữ đạo tôi chúa, một dạ trung thành.

Những đấng anh hùng hào kiệt vì nước quên mình là những tấm gương sáng để người đời nghìn thu truyền tụng.

Những bậc danh thần như Lý Thường - Kiệt, Tô Hiến Thành, Phạm Ngũ Lão, Trần Quốc Tuấn, là những bề tôi trung một lòng hi sinh cho giang sơn tổ quốc đã từng làm lừng lẫy những trang sử Việt Nam một cách vẻ vang hiếm có.

Trong địa hạt văn chương thì Hán tự là thứ chữ duy nhất của người đời thông dụng Tiếng nước nhà bị coi khinh rẻ thờ ơ lãnh đạm.

« Nôm na là cha mách quê», câu đó đủ tả rõ sự khinh rẻ và cái trạng thái tinh thần của đám sĩ phu nho học đối với tiếng mẹ đẻ.

Những tài ba lỗi lạc thì chỉ đua nhau ngâm vịnh bằng chữ hán. Đã từ bao thế kỷ, chữ nôm bị rẻ rúng một cách tối tư vô lý.

Mãi đến đời vua Trần Nhân Tôn (1278 - 1293), ông Nguyễn - Thuyên (Hàn - Thuyên) mới bắt đầu dùng tiếng nôm làm văn tế (?)

Rồi từ đó văn chương Việt Nam mới càng ngày càng phát đạt Đời Hậu Lê (1428 - 1788) văn-chương nước Việt lại có vẻ tấn tới lạ thường : Nguyễn Trãi làm *Gia-huấn ca* ; Ôn Như Hầu : *Cung oán ngâm khúc* ; Đặng Trần-Côn : *Chinh phụ ngâm*, vân vân.

Đến đời nhà Nguyễn, văn chương quốc âm lại càng phồn thịnh hơn lên : Đặng Đức Siêu làm *văn tế võ Tánh và Ngô Tòng-Chu* bằng tiếng Việt ; Nguyễn văn Thành cũng dùng tiếng mẹ đẻ làm *văn tế trận vong tướng-sĩ* ; Nguyễn Du làm *Kim Vân Kiều* bằng tiếng ta... và biết bao thi nhân cũng nữ thi nhân cũng đua nhau ngâm vịnh.

Tới cuộc bảo hộ của Pháp-quốc trên đất nước này với chữ quốc-ngữ của các cố đạo và cố Bá-Đa Lộc (?) làm để thay chữ nôm. Khắp dân-gian đều đua nhau học tập : từ các bậc thâm nho tới các nhà tây học, ai nấy đều đua trước tác : các sách Hán, sách Pháp được dịch ra quốc văn để phổ cập trong dân gian. Những nhà văn như Trương Vĩnh Ký, Paulus Của, Phan Kế-Bính, Nguyễn Khắc-Hiếu vân vân đều là những tên lính tiên phong trong đội quân cầm bút ở xứ này từ khi có cuộc gặp-gỡ Pháp Nam.

Các báo từ *Đại Việt tân báo* tới *Tri tân* và các báo hằng ngày từ *Trung bắc tân văn*, *Đông Pháp* tới *Tin mới* đều có công giúp trong việc khai hóa dân chúng và sự truyền-bá tư tưởng văn minh Thái - tây cùng cỗ học Đông-phương trong các tầng lớp người trong xã-hội.

Cái vườn quốc văn Nam Việt được nhiều người chăm bón nay đã thấy nẩy chồi đâm lộc. Các tư tưởng của các hiền triết Đông Tây đều được phô diễn ra một cách tinh tường cho những người hiếu học.

Về phương diện khai hóa, trước kia dân tộc việt-nam thiếu óc khoa-học chỉ bo bo lấy nước Tàu làm khuôn mẫu không chịu nhìn xa trông rộng.

Có ít nhà thâm nho đã từng xuất dương ra ngoại quốc muốn đem những điều mắt thấy tai nghe ra để hòng tỉnh chuyện canh tân cho người đồng chủng, nhưng bị những kẻ hẹp hòi gièm pha, man tấu với Triều đình, thành những việc dự định cải cách chỉ-thoảng như đám mây qua !

Nước Pháp tới ! Cuộc cải cách về chính-trị và học-chính bắt đầu. Các khoa thi đã có từ bao thế-kỷ bị bãi bỏ ở Bắc-kỳ năm 1916 và ở Trung-kỳ năm 1916 Những trường dạy tiếng Pháp mọc lên nhan - nhản. Từ trường « Hậu-bổ » tới ban Đại học ngày nay biết bao sự cải - cách đã thi hành. Từ việc quan Toàn quyền Beau cải - cách nền học chính tới ông Albert Sarraut

Xem tiếp trang 19

Thời đàm

ĐẢO MADAGASCAR

NHẬT-NHAM

ĐẢO MADAGASCAR đứng hàng thứ tư trong số các đảo nhớn nhất hoàn-cầu. Địa-thế rộng 592 000 cây số vuông.

Tọa-lạc tại phía tây-nam trong Ấn-độ-dương, đảo Madagascar cách lục-địa 420 cây số : giữa đảo và lục-địa là kênh Mozambique.

Hai con sông chạy qua những miền đồng-bằng phì-nhiêu (Betsiboka, Mangoka) phát-nguyên từ cao-nguyên miền trung-tâm, chảy rất mạnh xuống ven bể phía tây

Địa-thế gồm có ba khu :

1. Cao-nguyên ở giữa, có hai đoạn đột khởi là Imerina và Betsileo, cách nhau một ngọn hỏa-diệm-sơn cao 2600 thước tây : Tsiafajavona.

Trên cao-nguyên, dân Hovas và Betsileo giồng thuốc lá, sắn, lúa và chăn nuôi súc-vật. Các thị trấn quan-trọng : Tananarive (73000 người), Antsirabé (6000 người), Fianarantsoa (11 000 người).

2 Miền rừng, gồm có đồng-bằng phía đông và tây-bắc, sản xuất gỗ, thóc, cà phê, bông, cao su, cacao, và vàng lẫn trong chất phù sa. Nhờ có nhiều đường giao thông với cao nguyên, miền này rất phồn-thịnh, lại thêm các hải khẩu Tamatave (13 000 người), Diego Suarez (14 000 người), Majunga (17 000 người)

3 Đồng bằng cỏ phía tây nam nuôi rất nhiều cừu, bò, xuất cảng sang các thuộc-địa Anh miền Nam-Phi, qua các thương khẩu Tubar và Fort Dauphin.

Trên đảo Madagascar, có 3000 cây số đường giao thông, 700 cây số đường hỏa-xa, và kênh đào từ Tamatave đến Farafangana dùng vào việc vận-tải.

Kỹ-nghệ phát-đạt nhất: nhà máy gạo, máy làm đồ hộp xưởng phân chất các kim-khí (sắt, đồng, chì) ngày một khuyếch-trương.

Thương mại cũng phồn thịnh.

Dân-số có 360 vạn người, 1 phần là giống da đen gọi chung là Malgaches, còn thì đều thuộc giống da vàng từ châu Á di-cư đến đảo vào hồi thế-kỷ thứ XII Giống người này gọi tên là Hovas và đều ở trên cao-nguyên miền trung-tâm đảo. Người Hovas chiếm đa-số, phần đông theo tân-giáo Gia-tô và hấp-thụ văn minh âu-tây.

Kinh-thành Tananarive là một thị-trấn rất to, có năm vạn người, có trường học, có nhà in, có báo-quán.

Dân Hovas có một đạo quân ước 4 vạn binh-sĩ có khí-giới tối tân.

Người Pháp di-cư đến Madagascar từ năm 1642. Thủ-tướng Pháp Richelieu lập pháo-đài Fort-Dauphin tại miền nam đảo, rồi trong vòng non một thế-kỷ (thế kỷ thứ 19), tại Tananarive, giữa Anh và Pháp, luôn luôn có cuộc cạnh-tranh, để bành trướng thế-lực. Năm 1878, người Anh được dân-chúng tín-nhiệm ; dân Hovas tưởng chừng có thể uy-hiếp người Pháp cư-trú trên đảo một cách dễ-dàng, nên mới xảy ra cuộc chinh-chiến. Hải-khẩu Tamatave cùng nhiều hải khẩu quan trọng đều bị công phá và phong tỏa. Kế đến việc xin đầu hàng của dân Hovas. Tới năm 1885, người Hovas ưng thuận để nước Pháp bảo hộ.

Tuy vậy, trong vòng 10 năm sau, dân Hovas vẫn chưa thực lòng phục-tòng nước Pháp, nên năm 1895, Chính phủ Pháp phải dùng đến võ lực mới giải quyết xong vấn-đề Madagascar.

Dưới quyền chỉ huy của Đại tướng Duchesne, 15 nghìn quân sĩ đổ-bộ lên quân cảng Majunga trên miền duyên hải phía tây đảo.

Rồi tiếp đến việc đắp một con đường để vận tải lương thực : khởi công từ Mars 1895 đến Août năm ấy mới xong, hơn 5 nghìn người bị sốt và thiệt mạng.

Sau cùng một đạo quân 4000 người xuyên qua cao nguyên miền trung-tâm, đánh đuổi quân Hovas và tiến thẳng đến Tananarive.

Theo sau những viên đạn đầu tiên bắn vào cung-điện, nữ-hoàng Ranavalo đầu hàng ngày 30 Décembre 1895.

Dân Hovas nhận để nước Pháp bảo-hộ. Sau vì dân-chúng định nổi loạn, nên cuộc bảo-hộ bị bãi và Madagascar trở thành thuộc-địa Pháp. Nữ hoàng phải đưa sang an trí tại Algérie (1897).

Tệ mãi-nô bị cấm chấp ; học đường, bệnh-viện mở khắp mọi nơi; đường giao thông liên lạc các vùng, lại thêm 1200 cây số đường hỏa xa giúp cho sự khuyếch trương thương mại bản xứ, cho nên sự giao dịch, mới kể trong vòng 15 năm, 1898-1913, thế mà đã từ 27 triệu lên tới 100 triệu bạc !

Một quân-cảng rất to thành lập trong vịnh Diego Suarez.

Diego Suarez là một căn cứ

bải - quân có đủ các cơ quân phòng-thủ, lại có thể liên lạc với nội địa, nên mới rồi theo tin của bộ thủy quân và bộ chiến tranh, các nước đồng-minh quyết định để phòng không để phe Trục phạm tới căn-cứ hải quân Diego Suarez của Pháp. Một đạo quân Anh vừa bộ, vừa thủy sáng 5 Mai 1942 được lệnh đánh vào Dieogo Suarez theo hai đường : một đường phi cơ cùng chiến hạm từ bể đánh thẳng vào ; một mặt quân Anh đổ bộ trong vụng Courrier đánh tập hậu, mục đích để cắt đứt hết đường giao-thông nối Diego Suarez với nội địa.

Trong cuộc tấn-công tại vụng Courrier, Anh cho nhiều lớp quân nhảy dù liên tiếp đổ bộ xuống trước, sau mới huy động những đoàn chiến xa nhỏ đánh vào quân Pháp.

Trong vụng Courrier, Anh có 2 chiếc tầu vận tải, 1 chiếc tuần dương hạm, 1 chiếc ngư lôi hạm, 4 đội phi cơ đến từ một chiếc hàng không mẫu hạm, dự vào cuộc công kích.

Theo tin sau cùng ngày 5 Mai 1942, thì quân Anh đã làm chủ eo đất ngăn vụng Courrier và vụng Diego Suarez.

Quân Anh đánh Madagascar có chừng 2 vạn người, mà quân Pháp giữ đảo chỉ bằng một phần ba. Tuy vậy, quân Pháp cũng kháng chiến một cách anh-dũng. Nhưng vì sự chênh lệch về lực lượng, vì đường giao thông với Pháp bị hoàn toàn gián đoạn, và vì Anh có thể luôn luôn đưa viện binh tới mặt trận, nên các chính-giới Pháp không hi vọng vào cuộc kháng chiến của Madagascar được lâu.

Cùng với số phận Madagascar, quần đảo Comores và đảo Réunion sẽ bị uy hiếp. Quần đảo Comores gồm có 4 cù lao ở trong eo bể Mozambique giữa mỏm Ambre phía bắc Madagascar, và thuộc-địa Đông-Phi của Bồ đào Nha. Còn đảo Réunion là một thuộc-địa rất cũ của Pháp ở phía đông nam Madagascar, cách đảo Maurice của Anh 200 cây số. Đảo Réunion thuộc quần-đảo Mascareignes mà quần đảo này đứng trơ-vơ trong Ấn độ dương, cách miền duyên hải phía đông Madagascar ước 750 cây số.

Chính phủ Pháp đã cực lực phản kháng việc quân đội Anh xâm lăng đảo Madagascar.

Trả nhời Pháp, Mỹ công bố vì đảo Madagascar là một địa điểm rất nguy hiểm cho đồng minh nếu lọt vào tay một nước về phe Trục, nên cần phải chiếm để lợi chung cho đồng minh ; tuy vậy Mỹ và Anh đều bằng lòng trả Madagascar cho Pháp, ngay sau khi hết chiến tranh hay khi đương còn chiến tranh mà nếu xét ra không có lợi gì cho đồng minh.

Thủ tướng Anh tuyên bố trước viện rằng Anh đã dự bị đánh đảo Madagascar từ ba tháng trước đây.

Sau khi những trận lớn quanh vụng Diégo Suarez đã đình chỉ, quan Toàn quyền Annet tỏ ý cương quyết sẽ kháng chiến đến cùng, mặc dầu lực lượng hai bên quá chênh lệch.

Hiện nay, một bên quân Anh vẫn tấn công trên đảo, một bên quân đội Pháp vẫn kháng chiến kịch liệt.

Trước sức kháng chiến của quân đội Pháp, cuộc tấn công của Anh gặp nhiều nỗi khó khăn và số quân Anh thiệt hại cũng nhiều.

Chính Thủ-tướng Anh cũng phải tỏ nhời ca tụng sự dũng cảm của quân đội phòng thủ Madagascar, một số quân có chừng 7.000 người đã biết trọng kỷ-luật, đã nhiệt thành ái-quốc để nêu cao danh dự lá cờ Pháp.

Cũng vì thế, vấn đề Madagascar chưa sớm kết liễu được, khiến các nước trên thế giới phải ngày ngày chú ý đến bàn cờ quốc tế.

NHẬT NHAM

Cuộc diễn thuyết giáo sư

Tiếp theo trang 13

và các người kế nghiệp ngài cầm vận-mệnh Đông-dương, sự học đã được mở mang ngày thêm lan rộng.

Một tương-lai đầy hứa-hẹn đang đợi sẵn đám thanh-niên tân-học có nhiệm-vụ lớn trong cuộc xây dựng một nền văn-hóa cho đất nước và việc cải tạo quốc gia Việt-Nam theo ba khẩu-hiệu «cần lao, gia đình, tổ quốc » của Thống-chế Pétain.

Tương lai của dân tộc Việt-Nam là do kết quả tốt-đẹp gây nên bởi sự phối-hợp của hai nền văn-hóa : đông-phương của Khổng tử trộn lẫn tinh thần cao - siêu của Phật giáo và nền văn-hóa tây - phương gốc tích ở cổ học La-tinh, Hy-lạp.

.·.

Một vài cảm tưởng

Một chàng pháo vỗ tay kết thúc một cách niềm nở cuộc nói chuyện của giáo-sư Lê Thành-Ý. Với những tài liệu ghi được một cách đơn-sơ, tôi đã thu nhỏ lại bài diễn văn của giáo-sư. Những lời các bạn vừa đọc không phải là nguyên văn. Đó chỉ là những ý chính của diễn-giả.

Trong tiếng rưỡi đồng hồ, diễn-giả đã nói một cách thong-thả và điềm-đạm. Bài diễn văn của giáo sư có một giá-trị khảo-cứu đáng quý. Trong những giòng chính, diễn giả đã khéo vạch rõ sự tiến-hóa về tinh thần của dân-tộc Việt Nam qua bao thế-kỷ. Trước đám đông thính-giả người Pháp, diễn giả đã nói rõ một vài hành-vi xuất chúng của những bậc anh-hùng cứu quốc như Trần Hưng-Đạo, Tô Hiến-Thành.

Tôi đã cố ý lược kể đoạn cuối bài diễn văn bằng những lời vắn-tắt nói về công-cuộc mở-mang sự học ở đây, vì tôi chắc độc-giả, những ai không tới dự, cũng đoán rõ những điều mà giáo-sư đã nói trước mặt quan Chánh nha Học-chính Đông-dương...

Tôi chỉ tiếc chiều đó trời đổ mưa, nên phần đông các thiếu-niên

tân học không tới dự. Trong nửa giờ đầu, diễn giả nói hơi bé và giọng lại đều-đều, nên trong phòng giảng hơi phảng-phất có vẻ buồn.

Nhưng đoạn cuối, diễn-giả đã đổi giọng nói hơi to và hùng-hồn khiến lúc ra về ai nấy đều có một cảm tưởng hoan-lạc về cuộc nói chuyện của giáo sư.

Riêng tôi, tôi thấy những cuộc nói chuyện về văn-hóa là cần vì chúng sẽ « nói » nhiều với những ai vẫn thường khinh-rẻ dân-tộc Việt Nam này là một dân-tộc đớn-hèn, ngu-xuẩn. Chúng sẽ bảo họ rằng trong lịch-sử Việt-Nam chúng ta cũng có những trang oanh-liệt đã làm rạng vẻ giống nòi Hồng Lạc : quân Mông-Cổ đã từng đắc thắng khắp Á Âu phải lụn bại tan tác trước sức chiến đấu mãnh-liệt của đức Trần Hưng Đạo với các tướng-sĩ đồng-thời.

Những cuộc nói chuyện đó sẽ cần hơn nữa nếu những ai thật tình muốn hiểu người Nam, muốn cùng chúng ta cộng tác trên con đường văn-hóa, vì chỉ có hiểu nhau mới cùng nhau có thiện-cảm.

Lúc giáo-sư Lê Thành-Ý cao giọng ngâm câu ca dao :

« Nhiễu điều phủ lấy giá gương.
« Người trong một nước thì thương nhau cùng »

tôi thấy tâm hồn rung động, cảm cho sự đồng tâm của dân-tộc Việt Nam ta đã biểu-lộ trong bao lời khăng-khít, cảm cho lòng thương yêu của chúng ta đối với những người đồng-chủng, những người mà trong huyết quản có chảy chung giòng máu của tiên tổ giống Lạc Hồng

Tôi lại thấy văn-chương của chúng ta nó thi-vị quá, trong-trẻo quá và du-dương một cách lạ thường. Chỉ có chúng ta mới hiểu thấu những cái thi-vị ấy, mới say-sưa trước sự quyến-rũ của tiếng nói non sông đất nước !

PHẠM-MẠNH-PHAN

1) Lược theo ý chính đoạn trích của diễn-giả, thấy có đăng trong cuốn Nouveaux Essais franco-Annamites của Phạm Quỳnh trang 72-74 (Depuis 40 ans .. nat on moderne).

2) Trong Văn đàn bảo giám ông Tr. t. Viên dịch là :

« Kia xem một đôi ngỗng
« Ngửa mặt trông trời xanh,
« Lòng trắng phơi nước biếc,
« Chân hồng rẽ sóng thanh ».

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Hồi 17 giờ 15 chiều hôm 12 Mai, người ta thấy 6 chiếc phi cơ Tàu bay đến thành phố Hanoi. Súng cao-sạ Nhật và Pháp lập tức bắn lên. Súng cao sạ Nhật có hạ được 2 chiếc phi-cơ.

Hôm 10 Mai 1942 — 2 vạn nam-nữ thanh-niên Pháp-Nam dự lễ kỷ-niệm Jeanne d'Arc trên sân Mangin Hanoi.

QUỐC-TẾ

Ở bên Pháp đã hành-hình 5 người Cộng-sản và Do-thái, sau vụ mưu-sát một nhân-viên trong quân-đội Đức, hôm 2 Mai vừa rồi tại hộ Clichy. Và 15 người nữa sẽ bị bắn nếu từ nay đến hết 8 ngày nữa chưa tìm ra được thủ-phạm vụ mưu sát ấy. Lại còn 500 người Cộng-sản và Do-thái nữa sẽ phải phát vãng sang miền phía đông nước Pháp trong một trại làm việc khổ sai.

Anh đánh đảo Madagascar. Sáng 7 Mai 1942, Diégo-Suarez thất-thủ Ở Diến-điện, 20 vạn quân Tàu và Anh đã bị hoàn-toàn thất-bại Anh đã phải cho dời chính-phủ Diến-điện sang bên Ấn-độ.

Quân Nhật từ Diến-điện tiến sang Vân-nam đã lấy được Bhamo và Lung-ling — Có tin Tưởng Giới Thạch đem 4 sư đoàn thân ra biên giới cứu viện và cả tướng Long Vân cũng cho 2 vạn quân Vân nam ra trận. 5 chiếc chiến hạm lớn của Anh — Mỹ vừa bị Nhật đánh đắm ở Nouvelle Guinée.

Tấn kịch chiến tranh ở Phi-luật tân đã sắp hạ màn.

Báo Thanh-Nghị hoạt-động

Báo Thanh Nghị bắt đầu từ 1er Mai 1942 đã ra mỗi tháng hai kỳ.

Thanh-Nghị vẫn là tờ báo đứng-đắn, đáng đọc, nay lại hoạt-động thêm, thật là một sự cố-gắng lớn, trong lúc khó-khăn này, của bạn đồng-nghiệp.

Mong rằng Thanh-Nghị cứ hăng-hái làm việc và gặp được nhiều sự may-mắn.

Giải thưởng văn-học Mai-lĩnh

Chúng tôi nhận được tờ đạt của nhà Mai-lĩnh cho hay rằng : hằng năm nhà ấy treo 600p làm giải thưởng về văn học : 300p cho loại sách đã xuất bản, chia làm hai giải: 200p về loại khảo cứu và 100p về tiểu-thuyết, phóng sự v. v... 300p cho loại sách chưa xuất bản, cũng chia làm hai giải : 200p về loại khảo cứu và 100p về tiểu - thuyết hay phóng sự v.v...

Ai muốn dự thi thì hằng năm gửi bản thảo đến nhà Mai - lĩnh trước ngày 1er Juillet) riêng năm 1942 thì đến 1er Septembre mới hết hạn)

Sách mới

Bản-chí đã nhận được :

1) *Câu đối Pháp Nam* của Jean François — Nguyễn việt-Nam do phủ Toàn quyền xuất-bản.

2) *Pháp-việt phục - hưng* ca (kết quả cuộc thi thơ của Việt-báo)

Xin cảm ơn và giới thiệu với độc giả.

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . Một công trình có giá trị
« về lịch sử và một tấm gương
« tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

Loại sách địa-chí cần có một địa-vị trong tủ sách quốc-văn

SONG-CỐI

ĐỊA-chí là một loại sách chuyên ghi-chép những cái thuộc về phạm-vi dư-địa, như phương-vực, núi, sông, phong-tục, vật-sản, vân vân.

Nó hơi khác với loại sách *địa lý* mà ta quen gọi là *địa dư* (đừng lầm địa-lý theo danh-từ mới này với địa-lý là môn *phong-thủy* hay *kham-dư* ở ta). Vì địa-dư là thứ sách nghiên-cứu về những cái hiện-tượng tự-nhiên ở mặt ngoài địa-cầu và các thứ hiện-tượng có quan-hệ đến cuộc nhân sinh.

Dẫu hẹp hơn địa-dư, nhưng địa-chí cũng có thể nói rộng trong phạm-vi của nó như địa-thế, hình-thể, kinh tế, xã-hội, chính-trị, chiến-sự, cổ-tích, danh thắng, nhân-vật, v.v. Nói tóm, phàm những vấn-đề có quan-hệ đến một khu-vực, một địa-phương mà mình dùng làm đề-tài đều là đối-tượng cần phải khảo cứu cả.

Nước ta, xưa kia, học chữ nho, các cụ cũng đã lưu tâm đến việc soạn sách địa-chí. Nhưng trong việc làm sách về loại này của tiền-nhân còn ngụ cả cái ý khuyến giới người ta và giúp ích cho chính-lệnh giáo hóa nữa.

Cụ Nguyễn Trãi làm cuốn *Dư-địa-chí* (năm Thiệu-bình thứ hai, 1435) nói cả từ quốc-hiệu, kinh-đô nước ta đến những điều hợp-nghi để định việc cống-phú ở triều Lê.

Cụ Trịnh Hoài-Đức soạn được bộ *Gia-định thành thông-chí*, trong có chia làm sáu mục : *1) Tỉnh-dã chí ; 2) Sơn-xuyên chí ; 3) Cương-vực chí ; 4) Phong-tục chí ; 5) Sản-vật chí ; 6) Thành-trì chí.*

Triều Tự-đức có có bộ *Đại-Nam nhất thống chí*, trong có chia ra nhiều tỉnh như *Nghệ an tỉnh, Bắc-ninh tỉnh, Hưng-yên tỉnh, v v*

Song, những sách địa-chí ấy viết bằng chữ hán cả, nên ảnh-hưởng no không được rộng khắp nơi dân-dã và nhất là từ khi bỏ khoa-cử cũ (1918) đến giờ, số người tinh thông hán văn rất hiếm, nên những sách ấy hầu như những khu «cấm địa» đối với các bạn thanh-niên.

Dẫu vậy, *những cuốn địa-chí* hoặc địa-dư chữ hán xưa tuy không có tính cách dễ phổ-cập trong học-giới, nhưng nó có thể coi là một mớ tố-tài để giúp cho những cuốn địa-chí viết bằng chữ pháp hay quốc-văn của thế-hệ mới này.

∴

Để làm giàu thêm cho kho sách âu-tây, nhiều người Pháp ở đây — chính-giới có quân-giới có, học-giới, văn-giới cũng có — cũng thường hay viết những loại sách về lịch-sử hay địa-dư từng tỉnh một, như *Citadelle Bắc-ninh, Histoire politique et militaire de la province de Thai-nguyên*, cũng cung được nhiều tài-liệu hay cho độc-giả.

Trước đây — nếu tôi không nhớ lầm — ông Pagès, khi đang ngồi ghế Thống-sứ Bắc-kỳ, có ra một huấn-lệnh cho các vị thủ-hiến các tỉnh : mỗi tỉnh trong hạt Bắc-kỳ cần phải viết một cuốn địa-chí bằng chữ pháp nói đủ mọi phương-diện của hàng tỉnh : từ lịch-sử, chính-trị, kinh tế, phong-tục, sinh-hoạt đến đình chùa và thần-tích v. v. Vì thế, mới có những cuốn địa-chí bằng chữ pháp ra đời như cuốn *Province de Ha-đông* chẳng hạn.

Những địa-chí bằng pháp-văn, tài-liệu không phải không phong-phú, khảo-cứu không phải không công phu ; song tiếc rằng người mình số đông còn chưa hiểu được, nên ảnh-hưởng của chúng nó chỉ loanh-quanh trong giới biết chữ pháp thôi

Vì những tình-hình kể trên, loại sách địa-chí bằng quốc-văn cần phải có một địa-vị trong tủ sách nam-việt.

∴

Muốn bổ vào chỗ khuyết ấy, bạn Nhật-Nham Trịnh Như-Tấu, người đầu tiên, lấy sức cá-nhân, trì-khu trên đường trước-tác về loại sách địa-chí bằng quốc-ngữ.

Xin các bạn đọc đừng vội cho tôi là làm việc quảng-cáo vì tình bạn-hữu. Tôi chỉ muốn giới-thiệu một công-trình của một nhà văn với các bạn thân yêu.

Phải, bạn Nhật-Nham, nhằm theo cái đích đặt sẵn, đã lần-lượt cho ra mắt quốc-dân những cuốn *Hưng-yên địa-chí* (1935), *Bắc-giang địa-chí* (1937).

Xem tiếp trang 19

TỐNG VIẾT-PHÚC

NGUYỄN-TRIỆU

TỐNG VIẾT-PHÚC (1) vốn xưa là người quê ở Thanh-hóa, sau mới dời vào ở tỉnh Gia-định.

Viết-Phúc có sức khỏe và lại dũng cảm, xuất thân đầu quân làm Thuộc nội ca-đội và đã từng theo chúa Nguyễn Ánh sang Võng-các, sau thiên đến chức Vệ-úy.

Trong năm ất-mão (1795), vua Nguyễn đem thủy-quân ra cứu thành Diên-Khánh thì Viết-Phúc theo về bộ-thuộc Trương Phúc-Luật tiến binh đến Y-na. Bất thần có chiến thuyền Tây-sơn kéo từ Diên-áo tới đánh, Viết-Phúc vâng mang ra nghênh-chiến, liền chém được Đô-đốc Tây-sơn là Nguyễn Văn-Sỹ, lại đánh đắm luôn được một chiếc chiến-thuyền của bên địch và bắt thêm được 7 chiếc nữa.

Mỗi khi lâm trận, Viết-Phúc bao giờ cũng khẳng-khái đi thẳng lên trước, nên đánh đâu được đấy, các tướng ai cũng phục là khỏe. Vì có công, nên được thăng lên Thuộc-nội chưởng-cơ và sau lại được lên Tả-quân-dinh phó-tướng theo phò Đông cung Cảnh giữ thành Diên-khanh.

Viết-Phúc có tính nóng-nẩy, hay làm mất lòng tướng-sĩ, có khi lại khích-bác cả sư-phó của Đông-cung là đức-thày Bá-Đa-Lộc (2) cũng phụng-mạng ra cùng với Đông-cung.

Nguyễn-vương biết tin, lập-tức triệu Viết-Phúc về Gia-định và thu tất cả quyền-chức.

Đến sau, Viết-Phúc mới lại được khởi-phục làm Thần-sách-quân hữu-đồn Chánh-thống theo vua ra đánh thành Qui-nhơn.

Tống Viết-Phúc đóng quân ở Bình-di, còn Lê Văn-Duyệt thì ở Sa lung để chặn đường về của quân địch. Võ Văn-Dũng bèn đem quân đi lên đường Hôn-cốc, xuống Thạch-tân (Bến-Đá), chực đến đánh úp Tân-quân. Đem, quân đi qua một cái khe nhỏ, thình-lình có con hươu trong rừng chạy ra ở phía trước. Đội tiền-quân trông thấy liền reo rầm lên : « Con nai ! con nai ! » Quân Tây-sơn lại cũng reo theo : « Quân Đồng-nai ! quân Đồng-nai ! Vì thế phe địch nhầm tưởng rằng có quân Đồng-nai (3) kéo đến, tan vỡ chạy cả, kẻ lăn xuống khe, người chui vào rừng, Viết-Phúc biết tin, bèn đem mấy trăm quân thừa thế đuổi đánh, chém giết được rất nhiều và bắt được không biết bao nhiêu là khí-giới. Vương được tin khen : « *Phúc ít quân mà phá tan được đại-địch như vậy, làm tướng được như thế thì mới là giỏi* ». Rồi thưởng cho ba nghìn quan tiền.

Sang đến năm canh-thân (1800), Tống Viết-Phúc được thăng lên Thần-sách Trung-dinh Đô-thống-chế.

Khi vua Nguyễn ra cứu Bình-định, Phúc theo Tiền-quân Nguyễn Văn-Thành đánh phá quân Tây-sơn ở Thi-dã và An-tràng. Trận đánh Thi-nại Phúc cũng có xin đi, song vì Vương nghe Nguyễn Đức-Xuyên, nên sai Tả-quân Lê Văn-Duyệt (4) mà không sai Phúc.

Bấy giờ Tống Viết-Phúc đóng quân ở Kiền-dường, bị tướng Tây-sơn Từ văn-Chiêu đến tập công. Viết Phúc phải đem quân tới Thạch cốc thì lại bị phục binh của giặc đến úp đánh, vì thế sợ-hãi về xin chịu tội, song Nguyễn-vương tha cho.

Đến khi vua Nguyễn tiến binh ra lấy Phú-xuân thì Viết-Phúc cùng với Tham-tri Trần Văn-Trạc giữ thành Quảng-nam, sau lại theo Tả-quân Lê Văn-Duyệt trở lại cứu Bình-định. Khi đến Quảng-nghĩa, bắt được Đô-đốc Tây-sơn là Nguyễn Văn-Khôn và Tham-đốc là Hồ văn-Tự ở Trà-khúc, lại bắt được hơn ba nghìn quân của Tây-sơn. Viết-Phúc vốn có tính ghét người Bình-định, vì Phúc yên trí là những người ở đấy cố tình theo Tây-sơn, nên đã nói : « *Nếu sau này ta lấy được thành Bình-định thì ta quyết sẽ làm cỏ sạch dân xứ ấy* ! » Rồi qua Tân-quân, thừa thắng tiến đánh đến Bức-cốc.

Các bộ-tướng ngăn lại mà rằng : *Quân ta có ít mà khinh tiến thế này, nếu gặp giặc thì làm thế nào ?* » Phúc gắt trả lời : « *Nếu gặp giặc ; ta sẽ trèo lên núi thì làm gì ta được!* Không may xẩy đâu lại có đám phục-binh của Từ văn-Chiêu đón ngay ở đó. (Trước kia, Chiêu cũng đã theo hàng vua Nguyễn, vua cho theo dưới quyền Viết-Phúc, vì nhiều khi Chiêu bị Phúc mắng nhiếc, nên căm tức, lại bỏ Nguyễn, trở về với Tây-sơn). Đã nhiều lần Chiêu cố ý đón đánh để báo thù, song chưa gặp dịp. Nay vì Viết-Phúc khinh-địch, nên mới gặp kẻ thù mà bị hại.

Vua Nguyễn được tin, lấy làm thương tiếc vô cùng, truy tặng Viết-Phúc làm Thiếu-bảo quận-công.

Tống Viết-Phúc theo phò vua Nguyễn đã lâu và cũng đã lập được nhiều công ; song Phúc người có nhiều sức khỏe mà ít mưu lược. Hễ đánh trận nào phi được to thì tất phải thua to.

Đến đời vua Minh-mạng, Phúc lại được truy phong là Ninh-giang quận-công. N. T.

1) Đại-Nam chính-biên liệt-truyện sơ tập, quyển 13, tờ 7.

2) Evêque d'Adran.

3) Bấy giờ trong miền Nam thường gọi là xứ Đồng-nai mà sách chép là Lộc-dã, là Lộc-đồn. Sở dĩ thành tên thế, là vì cánh đồng ở đó có nhiều nai.

4) Bấy giờ Nguyễn-vương muốn dùng kế hỏa-công đánh Thi-nại, hỏi chư tướng ai dám đi thì Viết-Phúc xin đi. Ngài muốn cho đi và sai người mật báo cho Lê văn-Duyệt và Nguyễn Đức-Xuyên biết. Bấy giờ Xuyên đang ốm, nhắn Nguyễn Cửu Kỷ về tâu rằng Viết-Phúc tuy có sức khỏe, nhưng thường hay làm hỏng việc, không bằng Lê Văn-Duyệt vừa khỏe, lại vừa nhiều mưu cơ. Nếu sai Duyệt đi thì chắc xong. Bằng không, Xuyên xin đi.

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Mai

LONG-ĐIỀN

I

1er Mai 1942, thứ sáu, 17 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay năm giáp - thân, quan ba Aron vì muốn công - phá thành Hưng-hóa, thả một chiếc khinh-khí cầu (mongolfière) để dò tầm sung Buổi chiều, thành liền bị hạ.

2 Mai 1942, thứ bảy, 18 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Mậu-ngọ, 1918 vua Khải-định khánh thành trường Đại-học ở Hà nội.

3 Mai 1942, chủ nhật, 19 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay năm Đinh - mão, 1687, chúa Nguyễn Phúc-Tân mất.

4 Mai 1942, thứ hai, 20 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Giáp - thân, 1884, quan tư Revgasle giao chiến với quân Cờ-đen ở Thái-nguyên Bắc-kỳ. Đánh nhau trong một tiếng đồng-hồ, thành Thái-nguyên bị hạ.

5 Mai 1942, thứ ba, 21 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh - thân, 1440, vua Lê Thái-Tôn thân chinh đi dẹp giặc ở Gia-hưng thuộc tỉnh Tuyên-quang (Bắc-kỳ).

6 Mai 1942, thứ tư, 22 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay, năm Ất-sửu, 1505, vua Lê-Uy-Mục — dân thường gọi là Quỷ vương — sai người ngầm giết Hoàng-hậu ở trong điện Trường-thịnh.

7 Mai 1942, thứ năm 23 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay, năm Đinh-hợi, 1407, Hồ quí-Ly và Hồ-Hán-Lương đem binh chạy vào Thanh-hóa; chạy đến Lôi-Giang, bị quân Minh đuổi kịp. Quân Hồ vỡ.

8 Mai 1942, thứ sáu, 24 tháng ba, nham-ngọ

Ngày nay, năm nhâm - tý, 1912 khánh thành sở Vô - tuyến - điện ở Bạch-Mai, Hà nội, Bắc-kỳ.

9 Mai 1942, thứ bảy, 25 tha g ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh - dần, 1890, giặc khách nổi lên đánh làng Thô g-thiên ở Đáp-cầu.

10 Mai 1942, chủ nhật, 26 tharg ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm Kỷ mùi, 1739 quân Hoàng-Mật vây quân nhà Lê ở làng Cổ-biện, Thanh-hóa, Trung-kỳ.

11 Mai 1942, thứ hai, 27 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay, năm mậu-tý, 1288, sau khi bình định được giặc Nguyên vua Trần Nhân-Ton và Thái-thượng-hoàng về tới thành Thăng - long (Hà-nội).

12 Mai 1942, thứ ba, 28 tháng ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm - thìn, 1892, quan bà Charbrol cầm quân giao chiến với giặc Khách ở Mẫu - sơn, Lạng-sơn, Bắc-kỳ.

13 Mai 1942, thứ tư, 29 thang ba, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm quí-dậu, 1933, cụ Phan Văn-Trường, luật khoa tiến-sĩ, là một nhà chí sĩ mất tại Hà-nội.

14 Mai 1942, thứ năm 30 tháng ba, nhâm ngọ

Ngày nay năm nhâm-thìn, 1892, có một người nổi lên ở vùng Tam-đảo tự xưng là «vua xứ Bắc-kỳ», đóng quân ở chùa Tây - tiên cho người xuống đồn Liên-sơn, Vĩnh-yên. nói với ông đồn phải cống tiền và lương-thực, nếu không sẽ đánh lấy đồn.

15 Mai 1942, thứ sáu, 1 tháng tư, nhâm-n ọ

Ngày nay năm Bính-tý, 1516, Trần Cao đóng binh ở Bồ-đề, chống nhau với quân vua Lê Tương Dực.

còn một kỳ nữa

LONG ĐIỀN

Loại sách địa-chí

Tiếp theo trang 17

Cứ như lời bạn tuyên-bố, thì những đề tài mà bạn đã dùng để kết-cấu thành hai tác p ẩm tr n đây là do bạn đã *dung hợp tất cả những điều mắt thấy tai nghe, những tai liệu đã sưu tầm ở cac nơi trong tỉnh, ở cac sach tay, sach ta, trích dịch nguyên van Ngọc phả cac làng, sach truyền đời cổ mà lam thành* .. (*Bắc-gia g địa-chí*, trang 10)

H ện nay, va theo đuổi công-cuộc ấy, ban Nhất-Nham đương soạn cuon *Bắc-ninh địa-chi* để làm g àu cho tủ sách quốc-văn.

Vạy mo g ban chong thành công trong việc dư-định. Và mong, ngày chứa tháng dồn, bạn cứ dần dần làm đến các tỉ h khác để, một mai, mỗi tỉnh Bac-kỳ sẽ có một cuốn địa-chí bằ g quốc-văn thì, đối với việc học hỏi sau này, những tác-phẩm ấy giúp ích không phải là ít. S C.

Tài liệu để đính chính

tiếp theo tra g 9

Tiếng nhất huân kinh đ ển tạo lanh.
Trần giới hây hây chàng điểm bợn,
Chốn sào thanh-tĩnh nữ - th ền tuynh.

Trích ở quyển *Ngư - đề Thiên-hòa-doanh bách vịnh thi-tập* sá h viết bằng chữ nho và chữ nôm của Trường Bac-cổ số AB 544 tờ 18a-18b) *còn nữa*

Ứng-học NGUYỄN VĂN TỐ
biên-tập

1) Quyển *Việt- ày tham-khảo* (bản nôm đề là *Bài phu giáng bút của bà tiết-phu làng Hoàng-mai ngày xưa*. Quyển *Văn-đàn bảo-giám* (bản quốc-ngữ, quyển thứ hai, in lần thư hai, trang 58) đề là *khuyên thế nhân* «tương truyền bài này là bài g áng bút của bà Chúa Liễu đã lâu lắm». Bản quốc ngữ của *Văn đàn bảo g ám* thi u bẩn tư câu « Luc vu - ầy chen chú chén a h » đến câu « ha hồ ẻ bắc người t y.» Còn những chữ khác nhau, cũng nhiều lắm, tính ra có tới ba-mươ chữ.

2) Thơ Trịnh Căn chưa ai in ra quốc ngữ.

Du-ký

Sau tám năm trở lại thăm Laokay

Số 1

NHẬT-NHAM

Nước non, non nước hữu tình,
Bao nhiêu du-lãm, cảm-tình bấy nhiêu!

Từ Hanoi lên tới Việt-trì, vẫn cảnh đồng-bằng, hai bên ruộng lúa xanh rì. Rồi dần dần qua các đồi chè, núi cọ bao la bát ngát. Khoảng đường từ Yênbay, đi Laokay, tầu khi quanh co, khi leo rốc, như rồng uốn khúc, như rắn lượn bờ núi cao rừng rậm một giòng sông Thao nước đục, hai bên lau lách rậm rì. Thỉnh thoảng vài ba chú Thổ an củi trên sườn non, xa xa hiện nam bầy túp lều gianh trong rừng rậm, cảnh chiều hôm như giục người lữ-khách ôn lại chuyện xưa.

Tôi còn nhớ năm 1930 cũng trên con đường này, lần đầu từ Phủ-lý thuyên lên Laokay, đối cảnh non sông này, tôi đã tự coi là cảnh trích-hoạn (1930 - 1932). Vì thấy Laokay là nơi biên-viễn, lại khí-hậu không tốt, cho nên khi ấy, tôi lưu gia-quyến tại Bắc-Giang, một mình trên đường với một chiếc va-ly, mong chóng hết hạn 18 tháng ra về.

Cũng vì đó là nơi biên-viễn, các chức-viên ít ai đem theo gia-quyến, cho nên tình tương-đối với nhau có thân hơn khi ở trung-châu. Cũng vì chút thân-hình như thế, cho nên đối với một người xa đến chơi, các bạn tò g-sự cũng tỏ ra vẻ đậm đà.

1940!

Hôm ấy, tôi tới Laokay hồi bầy giờ chiều. Gia-đệ cùng mấy bạn ra tận ga đón. Về tới nhà, nhiều ông tiếp-tục đến chơi sau.

Sáng hôm sau, cùng gia-đệ lên thăm ôa Sư trên đỉnh núi, nơi mà tám năm về trước, ngày hai buổi cắp ô đi, lại cắp về, khi câu nói, lúc tiếng cười, cùng các bạn sống một cuộc đời tươi đẹp... Ngày nay, các bạn nhân nam, en bắc, bao ngả phân phi, cảnh vẫn cảnh cũ, nhưng vật nhiều thứ đổi dời: nhiều cây cổ-thụ không còn di-tích; dinh thự hoặc trùng-tu hoặc thay mới... Cuộc đời là một giòng hoán-cải vô-biên.

Buổi chiều cùng mấy bạn cũ tản-bộ xem phong-cảnh trong thành-phố, rồi qua thăm Chấn-phòng.

Chấn-phòng tên chữ là Hà-khẩu (người Tàu gọi là Hokéou) là địa-giới Trung-Hoa.

Chấn-phòng cách Laokay một con sông, con sông Nam-Thi phân giới nước ta với nước Tầu. Sông này chảy vào sông Thao (đoạn trên sông Nhị-hà). Bến kia sông Thao là Cốc-lếu cũng là địa giới nước ta, có nha châu Thủy-vỹ, có bệnh-viện, có giáo-đường, có chợ.

Bến Chấn-Phòng, có dinh Đốc-Bàn trên đỉnh núi, có đồn-binh, có các công-sở của người Tầu, có cơ-quan quân-sự đề phòng biên.

Trên sông Nam-Thi có Cầu Sắt thông Laokay với Chấn-Phòng, có đường hỏa-xa đi Vân-Nam. Hai bên đầu cầu đều có lính canh gác, bên này lính ta, bên kia lính Tầu, lại có nhà Đoan kiểm-soát việc xuất-cảng và nhập-cảng các đồ ngoại-hóa.

Chấn-Phòng nay bớt sự phồn-thịnh, việc thương-mại xem ra đình-trệ, so với tám năm về trước, rất là kém sút: Ảnh-hưởng của Nhật-Hoa chiến-tranh!

Lúc trở về qua cầu, đứng tựa lan-can, nhìn sang khúc đường xe-lửa trên bờ sông Nam-Thi bên kia, đoái trông non nước xa-xa, bồi-hồi cảm-tưởng, lại nghĩ đến mới ngày nào cũng đương đây, cũng vẫn giang sơn này, mà tám năm như chớp mắt, tựa chim bay! Tháng ngày lần lữa, cảnh-vật đổi thay, mà riêng mình sự-nghiệp chưa thành, nhân đó lòng buồn man mác, càng sinh vô-hạn cảm.

Sáng hôm sau, lên chơi Chapa.

Chapa là một cái đồn ở phía Tây-Nam Lao-kay, cách tỉnh-lỵ 38 cây số và cao hơn mặt bể 1.500 thước tây, khí-hậu rất mát mẻ và trong sạch, dân cư khỏe mạnh ít ốm đau. Vì thế mùa hè năm nào cũng nhiều khách lên đấy nghỉ mát hoặc dưỡng bệnh.

Ô-tô khởi-hành từ đầu cầu Cốc-lếu ra khỏi thành-phố vài cây số đã là đường núi, xe mở hết tốc-lực leo dốc. Đường quanh-co khúc-khuỷu, hai bên là thung-lũng, ngồi trên ô-tô trông xuống vực sâu thăm thẳm lại rùng mình ghê sợ, tuy đường đi cũng vẫn lối này năm xưa.

Lên đến Mường-Sén, được nửa đường, sự hô hấp đã thấy dễ chịu, tựa như có vật gì thông hai lỗ mũi cho không-khí dễ ra vào. Xe nghỉ lấy nước ở suối, rồi lại chạy qua cầu si-moong từ từ leo dốc.

Lên cao 1.000 thước, có khách-sạn «La Madeleine», chung quanh giồng thông pờ-mù (bạch mộc), cảnh-trí thực là u-nhã. Khách-sạn này do ông Tocco người Ý-Đại-Lợi lập nên, vì lúc mới phát kiến được nơi khí hậu tốt này, tưởng chỉ đến đây là cao nhất, sẽ trở nên một chỗ tấp nập sau này. Nhưng tới khi có Chapa thì nơi này có một khách-sạn La Madeleine thôi. Ngoài cửa, có một cái máy nước hình đầu người miệng có nước chảy suốt ngày đêm. Nước này lấy ở suối, vừa trong, lại vừa đủ các chất tốt. Nhiều người ví nước suối này với nước Vichy bên Pháp.

Có nhiều khách nghỉ mát trên Chapa lúc về thường qua khách-sạn LA MADELEINE chơi ít lâu, rồi mới về Trung-châu,

(Sẽ tiếp)

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 19

CHU-THIÊN viết

NGƯỜI đứng trong cùng thì đốt trước, rồi chạy ra đến ngoài. Những người ở ngoài cùng cũng châm ngọn đuốc vào. Đoạn, cùng xuống núi cả một lúc, nghe không !

Các đầu mục và lâu-la đều vâng dạ vang cả lên. Một hồi lâu sau, lệnh ấy đã được thi hành chu-đáo. Ngọn lửa bốc từ nhà kho trong cùng đến dãy nhà lá của lâu-la, truyền sang chính tẩm của chúa trại, tiếp đến nhà công-đồng rồi sau ra đến ngoài cổng trại. Tất cả mọi người đều đã xuống núi, trông coi cho lâu-la tháo lui ra rừng ngoài. Ở trên núi các ngọn lửa được thỏa sức tung-hoành tàn-phá bốc lên ngần-ngật ngút-ngàn, có cơ lan cả xuống rừng. Những tàn lửa bị gió bay tản-tác đi tít mù xa vào mãi trong rừng thẳm, hay ra mãi ngoài rừng thưa. Những tiếng nổ ầm ầm dữ dội như sét đánh. Rải rác những nơi ven núi đã có một vài đám cháy lẻ-tẻ bốc theo. Liên-Tường và Lệ-Kim vội vàng cùng nói :

— Thôi, thế là trừ xong được một sào huyệt gây ra tội ác rồi. Anh em lui mau kẻo lại làm mồi cho lửa. Ai muốn đi nẻo nào thì đi. Tùy ý !

Bọn lâu-la đứng vây chung quanh hai nàng và van lơn :

— Chúng con xin hộ giá hai vị nữ-chúa về tới quê nhà.

— Không được ! Anh em muốn chết thì theo chị em ta. Bằng muốn yên thân phận thì tìm đường tẩu thoát trước đi, về mà chi thu làm an. Thôi giải-tán đi, mỗi người một ngả !

Nghe hai nàng nói, bọn đầu mục và lâu-la tức khắc tuân lệnh giải tán tản-mát ra khắp cả khu rừng ngoài. Liên-Tường và Lệ-Kim cũng lần ra đường cái tìm lối về Hải-dương.

I V

Liên-Tường và Lê-Kim ra khỏi nơi tổ giặc rồi, liền hỏi thăm về Hải-dương. Vẫn còn sợ Vương-phủ truy tầm, hai nàng cứ đêm đi ngày nghỉ, tấm thân bồ-liễu bấy lâu đã quen mặt phong-trần nên gan dạ càng thêm nhiều phần cứng cỏi và khinh thường nguy-biến. Đi giòng-giã mười ngày mới về đến làng chồng Lệ-Kim. Về đến đầu làng, những người quen biết đều vui mừng chạy cả lại đón chào, ai nấy vồn-vã hỏi:

— Kìa chị đồ đã về!... Kính chào cô ạ. Cô cùng về chơi với chị nó.

— Chào bác đồ đã về. Gớm, lâu quá mới lại gặp! Đằng-đẵng năm sáu tháng rồi nhỉ! Tưởng là đi biệt tam!

— Sao bảo người ta tiễn chị vào cung vua. Sung sướng lắm?

Lệ-Kim cũng vui vẻ chào mọi người và đáp lại những câu hỏi thân-mật của những người họ hàng quen biết, trong lòng sung-sướng cảm-động, được trở lại với mọi cảnh thân yêu. Đứng trước cảnh tượng vồ-vập ấy Liên-Tường trạnh lòng nhớ đến cha mẹ không biết lưu-lạc phương nào, bỗng nhiên buồn rười-rượi, đưa mắt thẫn-thờ nhìn những cây-cối bên vệ đường, trong khi Lệ-kim mải tiếp chuyện mọi người. Nhưng một bà cụ đi qua, thấy người ta nói Lệ Kim đã về liền chạy lại hỏi :

— Mẹ đồ chương đã về đấy, có gặp bố nó và cháu à ?

Nghe hỏi, Lệ-Kim giật mình chột dạ, nhưng cũng cố bình-tĩnh, hấp-tấp đáp :

— Bẩm lậy cụ ạ, con không gặp nhà con, nhà con đi đâu ạ ?

— Bố nó bế cháu đi tìm mày ngay tự khi mà bị bắt đem đi kia mà ?

Như sét đánh ngang tai, Lệ Kim bủn-rủn cả người, vội thần thức hỏi lại chung quanh:

— Nhà con bế cháu đi tìm con ngay khi ấy hả các ông, các bà?

Mấy người vội đáp:

— Phải, chị đi được mấy hôm thì anh ấy vừa mong nhớ vừa tức-tối đùng-đùng bế con đi, bảo chúng tôi rằng lên kinh tìm chị.

Lệ-Kim vội kêu lên rằng:

— Thôi thế thì khổ tôi rồi ! Giời đất ôi ! Tôi làm khổ chồng khổ con tôi ! Vì tôi mà nhà tôi tan-nát! Giời đất ôi !

Rồi nàng vừa kêu gào vừa nói lảm-nhảm không ai hiểu nàng nói cái gì nữa... Thì ra chồng nàng là thày đồ Nguyễn-Thành-Chương đã vì nàng mà phải ôm con ra nơi đất khách, mà trong khi thoạt thấy nàng về, mọi người mải mừng rỡ, quên chưa kịp nhắc đến. Bây giờ thì cảnh vui vẻ đã biến tan đi hết! Trông Lệ-Kim than khóc thảm-thiết, ai

nấy đều đau xót, thương cho cái cảnh gia-đình tan-nát chồng bắc, vợ nam, con thơ xa mẹ!

Liên-Tường khi ấy cũng quên mình, vội kiếm lời khôn-khéo an-ủi Lệ-Kim và dìu nàng về nhà. Liên-Tường ôm lưng Lệ-Kim dắt đi, miệng tươi cười hỏi những người chung quanh:

— Thưa các ông, cac bà, làm phúc chỉ nhà chị ấy cho em để em đưa chị ấy về.

Một người nhanh-nhảu đáp lời :

— Được, cô đi với tôi, nhà chị ấy ở ngay cạnh nhà tôi. Chị ấy về hôm nay chắc sẽ ốm nặng, may có cô về, chỗ bạn - bè gặp khi hoạn-nạn trông-coi giúp cho nhau, như thế quý-hóa qua. Giá không có cô, chúng tôi cũng chỉ chạy qua thăm hỏi thôi, chứ chị em ai phận nấy, cô tính ở luôn đây thế nào được !

Đi một lúc, Lệ-Kim đã tỉnh táo đi vững được, người kia đổi sang chuyện khác như hỏi cả hai người :

— Hai cô đi từ đâu về vậy ?

Liên-Tường trả lời :

— Chúng tôi đi tự kinh về đây !

— Úi chà ! đi tự kinh về đến đây mà đi bộ xa lắm nhỉ ? Phải mất mấy ngày ?

— Năm ngày kia đấy, bà ạ !

Đi năm ngày, thì chóng đấy nhỉ. Tôi thấy người ta bảo kinh xa lắm kia mà..

— Thưa bà, cũng không xa ạ, chúng tôi vừa đi vừa nghỉ mới đến thế.

— Thế đấy ! Thôi cô ở đây với chị ấy nhé. Tôi về bảo con bé cháu nó thổi cơm nấu nước song các cô ăn kẻo đói Kìa, chị đồ tỉnh rồi đá ? ăn cơm hay ăn cháo ? Anh ấy đi rồi anh ấy lại về, việc gì mà buồn !

— Vâng, thím ở chơi đây với chúng tôi, về làm gì ?

— Tôi về bảo em nó làm bữa chứ !

— À, thím về bảo em đi chợ mua hộ ít lễ-vật để lễ cáo Gia-tiên, gọi là đi xa về thành tâm trình diện. Đây tôi đưa tiền thím làm ơn hộ cháu.

Bà kia vui vẻ tán-đồng ý-kiến :

— Phải, chị nghĩ thế rất phải, để tôi về bảo em nó đi mua ngay. Có tiền không ? Không thì tôi sẵn đây rồi. Việc chị cũng như việc tôi. Tôi cứ mua rồi tính sau.

— Được, cháu đã có đây rồi, thím ạ !

Lệ-Kim liền cởi tiền đưa cho bà thím.

Sửa - soạn lễ bái ăn uống xong, những người đến thăm hỏi đều về cả rồi, còn hai nàng ở lại, Lệ-Kim lại vật vã khóc lóc rất là thê-thảm, người ngoài trông thấy ai cũng phải mủi lòng thương xót thầm cho người trong cuộc.

Liên-Tường tiểu-thư hết sức săn sóc bên nàng và tìm lời khéo-léo an-ủi rằng :

— Thôi, sự-thể đã ra thế rồi, biết làm sao được ! Chị cứ ngồi khóc-lóc mãi thế này, chỉ thêm hại thân sức, rồi ngộ ốm chết ra đấy thì sao ! Âu là chị em ta lại đi dò hỏi các nơi, may ra có gặp chăng ?

Lệ-Kim nghe lời, cố nén nỗi thổn-thức, hỏi lại :

—Nhưng biết đi tìm ở đâu bây giờ?

Liên-Tường vui - vẻ cười, nói mạnh-mẽ để khuyên nhủ :

— Chị em ta cứ đi khắp cả, đi hết mọi nơi, mọi xó, tôi tin thế nào cũng gặp được anh và cháu. Xưa nay giời không bao giờ phụ những người có chí. Huống hồ, chị lại là người kiên trinh, đỡm lược thì lo gì mà chả nên công ? Ở hiền tất phải gặp lành, chị ạ.

Lệ-Kim buồn rầu nói :

— Tiểu-thư nói cũng phải. Nhưng bây giờ giặc cướp tứ-tung, đường-sá đi lại không được thông-đồng, thì đi tìm sao tiện ?

— Không, chị ạ, đã có cách.

Liên-Tường vừa nói được vậy, Lệ-Kim vội cướp lời :

— Không, tiểu-thư ạ, tôi không vì thấy giặc-giã chỗ nào cũng có mà nát đảm đâu, tiểu-thư đừng nghi thế, tôi lo là đi lại khó-khăn thế này : cứ hai ba bận bị quân giặc bắt thì già đời, còn nên công trạng gì nữa ! Ấy tôi nghĩ cứ băn-khoăn vì thế, con chim phải tên, dễ sợ cành cong, tiểu-thư ạ !

Liên-Tường liền cười ha-hả tỏ vẻ hoan-hỷ nói :

— Không, chị nghi oan cho tôi, khi nào tôi lại nghĩ thế, tôi bảo đã có cách kia mà...

Rồi như quen với thói làm việc kín-đáo, Liên-Tường tươi-cười ghé miệng vào tai Lệ-Kim nói thầm một hồi lâu. Lệ-Kim lắng nghe, mắt cứ sáng dần, mặt tươi hẳn lên. Sau cùng Liên-Tường đứng ngay người lên và nói to như để quả-quyết thêm vững cho ý-định :

— Ta cứ thế nhỉ, chị nhỉ, tôi đã sống quen như thế rồi, không còn sợ bại-lộ nữa. Và cứ thế thì đi khắp nước Việt này cũng được.

Lệ-Kim vui-vẻ tiếp lời :

— Và không còn lo giặc cướp cho lắm !

Hai nàng cùng vui sướng đã tìm được cách để đi lại dễ dàng. Vì khi ấy Mạc-vương đã thay Cung-hoàng nhà Lê lên làm vua rồi, khắp nơi người ta đều mượn tiếng tôn phù nhà Lê, nổi lên cướp phá lung-tung. Những dân lương - thiện không còn dám đi đâu cả. Hai nàng đã rõ tình - hình thế trong lúc giở về quê nhà. Nay lại tìm được kế để ra đi theo một mục đích cao xa, kẻ đi tìm chồng, kẻ tìm cha mẹ, thì bảo họ không mừng sao được. Cho nên, hai nàng lại bình-tĩnh như thường, vội cùng nhau ra chợ mua vải về may quần áo...

Hai nàng ngồi khâu suốt tối hôm ấy xong hai bộ quần áo vải nâu. Rồi gà gáy sang canh, hai nàng cải trang làm ni-cô, và mang theo ít vật-liệu cần, ra đi, không cho một người nào trong họ trong làng biết chuyện. Hai nàng vừa đi vừa nghỉ để hỏi dò tin tức... Sáu ngày giời mới đến địa hạt Kinh-bắc. Một hôm, giời gần tối. Hai nàng thấy một ngôi chùa cảnh-trí rất đẹp, liền đứng lại xem. Chùa làm ở sườn đồi ngoảnh mặt ra một con sông con lặng-lẽ chầy, chung quanh cây cối um-tùm, chim chóc đi kiếm ăn về hội họp tranh giành nhau rất là rộn-rã trước khi đi ngủ.

CHU-THIÊN

còn nữa

Lại thêm một lưỡi dao...

Tiếp theo trang 2

Họ định bóp cổ các nhà báo! Họ chực giết chết báo, chỉ là những cơ-quan thông tin - tức, đạo-đạt dân ý, truyền - bá tư-tưởng, nghiên-cứu trau-giồi tri-thức và học-thuật, nói tóm, là thứ đồ ăn thiêng-liêng để nuôi dưỡng tinh-thần người ta.

1, 2) *Tấn-thư* chép : Tả-Tư người Lâm-chi, đời Tấn, làm bài phú *Tam-đô* (kinh-đô nước Ngụy, kinh-đô nước Ngô, kinh-đô nước Thục), phải suy-nghĩ kết-cấu đến mười năm mới xong. Khi bài phú ấy ra đời, người đời chưa coi trọng. Nhưng sau được bọn Hoàng Phủ-Bật và Trương-Hoa than-phục và khen-ngợi, thì những nhà hào-phú và quyền-qui bấy giờ mới đua nhau mà truyền-tụng sao-chép, làm cho giá giấy ở Lạc-dương vọt cao lên.

Cải chính

Kỳ trước, thợ nhà in vô ý không thay ngày nên xin các độc giả tự chữa ở số trước như thế này :

Năm thứ hai — Số 45
Tuần lễ từ thứ tư 29 Avril đến thứ ba 5 Mai 1942.

SÁCH CỦA NHẬT - NHAM
Trịnh - Như - Tấu :
1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1 50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông—Hanoi

Tùy hứng

Khách ngàn phương

Rừng vắng, lau thưa, ngựa xuống đèo.
Trời chiều, gió động, lá vàng reo,
Lá reo xao-xác, cây tung la,
Mỗi cánh chim trời khắc-khoải kêu...

Mê-say sương núi với trăng ngàn,
Dấn bước, chàng đi chẳng vấn-vương :
Giong ngựa, lên đường, roi thẳng chỉ,
Tình không giữ nổi khách ngàn phương.

Tình yêu còn kém vẻ huy-hoàng,
Tình không chứa đủ vị muôn hương,
Không lưu-luyến mãi người phiêu lãng,
Nuốt hận từ đây duyên bẽ-bàng.

Tiếng gọi phiêu-lưu đã cướp chàng,
Giờ đây có lẽ chốn tràng giang,
Say sưa cảnh đẹp nơi trời lạ,
In gót phong - trần khắp bốn phương...

Cô CẨM-LAI

Chuyện tàu bay

I

Thiên-hạ sôn-sao nói chuyện tàu :
Kẻ thích tàu bay, kẻ lắc đầu.
Kẻ ưa tàu lặn xiên « đò gió ».
Kẻ thích tàu bò đốt xém râu.

II

Như ai, ta muốn có tàu bay :
Thế-kỷ tàu bay, thế-kỷ này.
Không muốn tàu bay, ai thế nhỉ ?
Thử nghe ta nói chuyện tàu bay.

III

Tàu bay cánh «sắt» bay không vẫy,
Không vẫy nhưng mà lại khỏe kêu.
Điểm gở tàu bay là ở đấy :
Phi-cơ chinh - chiến, cảnh tiêu-điều !

IV

Tàu bay mang lại tiếng văn-minh
Cho những dân nào giỏi viễn-chinh,
Gỏi nhả bom rơi, tài ngắm đích.
Nghi-ngờ ta luân nghĩa văn-minh.

V

Tàu bay không có, có văn-minh :
Áo khoác văn-minh biến vạn hình.
Nói chuyện tàu bay, thôi cũng đủ
Liệt vào trong bọn tối văn-minh.

MINH-TUYỀN

Ly-biệt

Tàu chiều ngừng bánh sân ga,
Tay đương nắm chặt, hóa ra rã-rời.
Ý nhiều, nhưng vẫn nghẹn lời,
Khổ đau dồn cả vào thời biệt ly.
Em đi, anh nhé ! — Em đi ?
Thế thôi, không một câu gì đưa nhau.
Mắt mờ giòng lệ tuôn mau,
Tim như chứa cả khối sầu trần-gian.
Người đi, sầu gởi gió ngàn.
Người về, sầu ngập trên đàng tịch liêu.
Từ đây lòng sẽ quạnh hiu,
Một chiều tiễn biệt, bao chiều ngóng trông...

BỬU-KẾ

Hộp thư

Một bạn đọc ở Huế. — Bài quốc-ca mà ông hỏi đó không phải của cụ Nguyễn-Trãi

Ô. Nguyễn đức-Điền, Hải-dương — Đã tiếp được thư đề ngày 21-4-42 của ngài. Còn đợi tra-cứu, sẽ trả lời sau.

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng mua vé số
Đông - Pháp
biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

Mai-Lĩnh tu-thư cục

VAN-HỌC TÙNG THƯ

Văn-học đời Lý	0 80
Văn-học đời Trần	*đương in*

SỬ-HỌC TÙNG THƯ

Triều Tây-Sơn	0.70
Bằng quận-công	*đương in*

Y-HỌC TÙNG THƯ

Việt-nam dược học I	0.80
Việt-nam dược học II	0.80
Việt-nam dược học III	0.80

TRIẾT-HỌC TUNG THƯ

Phê bình Nho-giáo	0.80
Lão-tử	0.80
Vương dương minh	*đương in*

PHỔ-THÔNG TÙNG THƯ

Nhân cách phụ-nữ Việt-Nam hiện đại	0.50
Tâm-hồn phụ-nữ	0.50
Nghệ thuật làm mẹ	0.50

Mai-Lĩnh tu-thư cục

Nước ta, muốn cho trình-độ tri-thức ngày một cao hơn, lẽ cố-nhiên là phải có nhiều những sách về học-thuật, về tư-tưởng v. v. bằng quốc-văn để ai ai cũng có thể đọc được ; vì chữ quốc-ngữ ngày nay đã phổ-thông trong dân gian nhiều lắm.

Vì mục-đích ấy nên chúng tôi định liên tiếp xuất-bản những sách, hoặc biên-dịch, hoặc trước-tác, bàn và khảo về các vấn-đề văn-học, triết-học, sử-học, y-học, khoa-học, v. v...

Hiện nay bộ biên-tập của chúng tôi hãy tạm chia ra từng ban như sau này :

a) Văn-học — d) Y-học
b) Sử-học — e) Phổ-thông
c) Triết-học — f) Giáo-dục

Mỗi ban chúng tôi giao cho một học-giả, hoặc một nhà văn có tiếng trônn nom.

Ngoài những sách do bộ biên tập của chúng tôi soạn, chúng tôi rất hoan nghênh những tác phẩm ở ngoài gửi đến.

Mỗi khi chúng tôi xét ra có thể xuất-bản được chúng tôi sẽ tùy giá-trị từng tác-phẩm mà trả tiền nhuận-bút.

Soạn và in được đầy đủ những loại sách trên rất là công-phu và tốn kém không phải là việc của một người làm nổi, nếu không có quốc-dân ủng-hộ. Vì vậy chúng tôi rất mong ở lòng sốt sắng của đồng-bào, sẽ vì nền học-thuật nước nhà, mà cổ-động và chiếu-cố giúp cho.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gó Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60. ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : **75 Phố Hàng Bồ.** *Chi nhánh* **88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.**
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨMNANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. speciale du Tri-Tân — Administrateur-gérant : Dương-Tụ-Quán